

Số: /ĐA-UBND

Điện Biên, ngày tháng năm 2025

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; UBND tỉnh Điện Biên xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Điện Biên với các nội dung như sau:

**Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
4. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.
6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.
7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính

quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã nhằm cụ thể hóa quan điểm của Đảng về đổi mới, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, xây dựng hệ thống chính trị Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả; mục tiêu cụ thể của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã xác định: *“từ năm 2021 đến năm 2030, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định”*. Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 đã chỉ đạo: *“Nghiên cứu định hướng tiếp tục sắp xếp bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới”*. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã đặt ra mục tiêu, yêu cầu: *“Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 2 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”*.

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã phù hợp với tình hình và xu thế phát triển của xã hội cũng như sự chuyển đổi về phương thức quản lý, điều hành trong giai đoạn hiện nay, nhất là đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số thì nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hóa và triển khai thực hiện trên môi trường mạng. Chuyển đổi số gắn với chuyển đổi quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào ranh giới địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Đồng thời, nhiều công việc quản lý trung gian được thay thế bằng hệ thống phần mềm điện tử, giúp tổ chức vận hành hiệu quả hơn mà không nhiều tổ chức hành chính và biên chế.

Theo quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 định hướng về tiêu chuẩn cấp xã hình thành sau sắp xếp “a) Xã miền núi, vùng cao hình thành sau sắp xếp có diện tích tự nhiên đạt từ 200% trở lên và quy mô dân số đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của xã tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; b) Phường hình thành sau sắp xếp có diện tích tự nhiên đạt từ 5,5 km² trở lên;... phường thuộc tỉnh hình thành sau sắp xếp ở khu vực miền núi, vùng cao, biên giới có quy mô dân số đạt từ 15.000 người trở lên...”, trên cơ sở kết quả rà soát và đối chiếu với tiêu chuẩn xác định ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, toàn tỉnh có 16 đơn vị đạt cả hai tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số, 113 đơn vị không đảm

bảo tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số.

Từ các căn cứ trên, kết quả đánh giá thực trạng các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên, mục tiêu của việc sắp xếp ĐVHC tại Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng “*Sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã bảo đảm cả nước giảm khoảng 60 - 70% số lượng đơn vị hành chính cấp xã so với hiện nay*” và tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 14/02/2025; Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 nhằm tinh gọn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, giảm chi ngân sách nhà nước, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng, trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đúng mục đích, yêu cầu của Đảng đã đề ra; góp phần mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có của các địa phương để phát triển bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội thì việc xây dựng “**Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Điện Biên năm 2025**” là hết sức cần thiết.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH ĐIỆN BIÊN

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH ĐIỆN BIÊN

1. Diện tích tự nhiên tỉnh Điện Biên: 9.539,90 km².
2. Quy mô dân số tỉnh Điện Biên: 673.091 người.
3. Số lượng ĐVHC cấp huyện: 10 đơn vị, gồm: 08 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố.
4. Số lượng ĐVHC cấp xã: 129 đơn vị, gồm: 115 xã, 09 phường và 05 thị trấn.

II. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

Tỉnh Điện Biên thực hiện sắp xếp đối với 129 ĐVHC cấp xã.

III. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP XÃ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP

Tỉnh Điện Biên không có ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH ĐIỆN BIÊN

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thành lập xã Mường Nhé trên cơ sở nhập xã Mường Nhé, xã Nậm Vù và xã Chung Chải

- a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mường Nhé có diện tích tự nhiên là 489,47 km² (đạt 489,47% so với quy định), quy mô dân số 23.734 người (đạt 474,68% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Sín Thầu.

+ Phía Nam giáp xã Nậm Kè.

+ Phía Đông giáp xã Mường Toong và tỉnh Lai Châu.

+ Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Mường Nhé: Toàn bộ trụ sở Huyện ủy, HĐND và UBND huyện Mường Nhé.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Mường Nhé và xã Nậm Vì có chung lịch sử hình thành, phát triển; xã Nậm Vì được chia tách từ xã Mường Nhé theo Nghị định số 17/NĐ-CP ngày 16/4/2009 của Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính xã, phường để thành lập xã thuộc huyện Mường Nhé và thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; xã Chung Chải có vị trí địa lý giáp với cả hai xã Mường Nhé và xã Nậm Vì và là các xã có đường biên giới giáp với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và có nhiều nét tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Mường Nhé hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

2. Thành lập xã Sín Thầu trên cơ sở nhập xã Sín Thầu, xã Sen Thượng và xã Leng Su Sìn

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sín Thầu có diện tích tự nhiên là 516,42 km² (đạt 516,42% so với quy định), quy mô dân số 6.168 người (đạt 123,36% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

+ Phía Nam giáp xã Mường Nhé và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

+ Phía Đông giáp xã Mường Nhé và tỉnh Lai Châu.

+ Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Sín Thầu: Trụ sở HĐND và UBND xã Leng Su Sìn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Sín Thầu và xã Sen Thượng có chung lịch sử hình thành, phát triển; xã Sen Thượng được chia tách từ xã Sín Thầu theo Nghị định số 17/NĐ-CP ngày 16/4/2009 của Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính xã, phường để thành lập xã thuộc huyện Mường Nhé và thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; xã Leng Su Sìn có vị trí địa lý giáp với cả hai xã Sín Thầu và Sen Thượng và là các xã có đường biên giới giáp với hai nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và có nhiều nét tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Sín Thầu sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

3. Thành lập xã Mường Toong trên cơ sở nhập xã Mường Toong và xã Huổi Léch

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mường Toong có diện tích tự nhiên là 230,69 km² (đạt 230,69% so với quy định), quy mô dân số 11.034 người (đạt 220,68% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu.

+ Phía Nam giáp xã Nậm Kè.

+ Phía Đông giáp tỉnh Lai Châu.

+ Phía Tây giáp xã Mường Nhé.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Mường Toong: Trụ sở HĐND và UBND xã Mường Toong.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Mường Toong và xã Huổi Léch có chung lịch sử hình thành, phát triển; xã Huổi Léch được chia tách từ xã Mường Toong theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 25/8/2012 của Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính cấp xã, huyện thuộc tỉnh Điện Biên, có nhiều nét tương đồng về vị trí, điều kiện địa lý, giao thoa về truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán; thuận tiện về giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, sản xuất, giao dịch hành chính, quản lý của chính quyền cơ sở sau sắp xếp; đồng thời mở rộng không gian góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Mường Toong hình thành sau sắp xếp; việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm

biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị.

- Xã Mường Toong hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

4. Thành lập xã Nậm Kè trên cơ sở nhập xã Nậm Kè và xã Pá Mỳ

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nậm Kè có diện tích tự nhiên là 224,7 km² (đạt 224,7% so với quy định), quy mô dân số 8.934 người (đạt 178,68% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Mường Toong.

+ Phía Nam giáp xã Quảng Lâm.

+ Phía Đông giáp xã Mường Chà và tỉnh Lai Châu.

+ Phía Tây giáp xã Mường Nhé và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Nậm Kè: Trụ sở HĐND và UBND xã Nậm Kè.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Nậm Kè và xã Pá Mỳ có chung lịch sử hình thành, phát triển; xã Pá Mỳ được chia tách từ xã Nậm Kè theo Nghị định số 17/NĐ-CP ngày 16/4/2009 của Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính xã, phường để thành lập xã thuộc huyện Mường Nhé và thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, có nhiều nét tương đồng về vị trí, điều kiện địa lý, giao thoa về truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán; thuận tiện về giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, sản xuất, giao dịch hành chính, quản lý của chính quyền cơ sở sau sắp xếp; đồng thời mở rộng không gian góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Nậm Kè hình thành sau sắp xếp; việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị.

- Xã Nậm Kè hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

5. Thành lập xã Quảng Lâm trên cơ sở nhập xã Quảng Lâm và xã Na Cô Sa

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Quảng Lâm có diện tích tự nhiên là 233,25 km² (đạt 233,25% so với quy định), quy mô dân số 9.975 người (đạt 199,50% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Nậm Kè.

+ Phía Nam giáp xã Nà Hỳ và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- + Phía Đông giáp xã Mường Chà và xã Nà Hỳ.
- + Phía Tây giáp xã Nậm Kè và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Quảng Lâm: Trụ sở HĐND và UBND xã Quảng Lâm.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Quảng Lâm và xã Na Cô Sa có chung lịch sử hình thành, phát triển; xã Na Cô Sa được chia tách từ xã Quảng Lâm theo Nghị định số 17/NĐ-CP ngày 16/4/2009 của Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính xã, phường để thành lập xã thuộc huyện Mường Nhé và thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, có nhiều nét tương đồng về vị trí, điều kiện địa lý, giao thoa về truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán; thuận tiện về giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, sản xuất, giao dịch hành chính, quản lý của chính quyền cơ sở sau sắp xếp; đồng thời mở rộng không gian góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Quảng Lâm hình thành sau sắp xếp; việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị.

- Xã Quảng Lâm hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

6. Thành lập xã Nà Hỳ trên cơ sở nhập xã Nà Hỳ, xã Nà Khoa, xã Nậm Nhừ và xã Nậm Chua

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nà Hỳ có diện tích tự nhiên là 275,64 km² (đạt 275,64% so với quy định), quy mô dân số 16.710 người (đạt 334,20% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

- + Phía Bắc giáp xã Mường Chà và xã Quảng Lâm.
- + Phía Nam giáp xã Nà Búng và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- + Phía Đông giáp xã Mường Chà và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- + Phía Tây giáp xã nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Nà Hỳ: Toàn bộ trụ sở Huyện ủy; HĐND và UBND huyện Nậm Pồ.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Nà Hỳ và xã Nậm Chua; xã Nậm Nhừ và xã Nà Khoa có chung lịch sử hình thành, phát triển, theo đó xã Nậm Chua được chia tách từ xã Nà Hỳ, xã Nậm Nhừ được chia tách từ xã Nà Khoa theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 25/08/2012 của Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính cấp xã, huyện thuộc tỉnh Điện Biên; 04 xã này có nhiều nét tương đồng về vị trí, điều kiện địa lý, giao thoa về truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán; thuận tiện về giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh

hoạt, sản xuất, giao dịch hành chính, quản lý của chính quyền cơ sở sau sắp xếp; đồng thời mở rộng không gian góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Nà Hỳ hình thành sau sắp xếp; việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị.

- Xã Nà Hỳ hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

7. Thành lập xã Mường Chà trên cơ sở nhập xã Chà Cang, xã Chà Nura, xã Nậm Tin và xã Pa Tần

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mường Chà có diện tích tự nhiên là 462,28 km² (đạt 462,28% so với quy định), quy mô dân số 13.884 người (đạt 277,68% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Nậm Kè và tỉnh Lai Châu.

+ Phía Nam giáp xã Nà Hỳ, xã Si Pa Phìn và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

+ Phía Đông giáp xã Chà Tở.

+ Phía Tây giáp xã Nà Hỳ và xã Quảng Lâm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Mường Chà: Trụ sở HĐND và UBND xã Chà Cang.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Sáp nhập 04 xã để thành lập xã mới lấy tên là xã Mường Chà, 04 xã này có nhiều nét tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 04 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Mường Chà hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

8. Thành lập xã Nà Búng trên cơ sở nhập xã Nà Búng và xã Vàng Đán

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nà Búng có diện tích tự nhiên là 162,52 km² (đạt 162,52% so với quy định), quy mô dân số 10.114 người (đạt 202,28% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Nà Hỳ.

+ Phía Nam, phía Đông và phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Nà Búng: Trụ sở HĐND và UBND xã Vàng Đán.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Nà Búng và xã Vàng Đán có chung lịch sử hình thành, phát triển; xã Vàng Đán được chia tách từ xã Nà Búng theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 25/08/2012 của Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính cấp xã, huyện thuộc tỉnh Điện Biên, có nhiều nét tương đồng về vị trí, điều kiện địa lý, giao thoa về truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán; thuận tiện về giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, sản xuất, giao dịch hành chính, quản lý của chính quyền cơ sở sau sắp xếp; đồng thời mở rộng không gian góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Nà Búng hình thành sau sắp xếp; việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị.

- Xã Nà Búng hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

9. Thành lập xã Chà Tở trên cơ sở nhập xã Chà Tở và xã Nậm Khăn

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Chà Tở có diện tích tự nhiên là 227,92 km² (đạt 227,92% so với quy định), quy mô dân số 5.208 người (đạt 104,16% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu.

+ Phía Nam giáp xã Si Pa Phìn, xã Na Sang.

+ Phía Đông giáp xã Mường Tùng.

+ Phía Tây giáp xã Mường Chà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Chà Tở: Trụ sở HĐND và UBND xã Chà Tở.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 02 xã sáp nhập để thành lập xã mới lấy tên là xã Chà Tở, 02 xã này có nhiều nét tương đồng về vị trí, điều kiện địa lý, giao thoa về truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán; có sự liên kết về giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, sản xuất, giao dịch hành chính, quản lý của chính quyền cơ sở sau sắp xếp; đồng thời mở rộng không gian góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Chà Tở hình thành sau sắp xếp; việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị.

- Xã Chà Tở hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

10. Thành lập xã Si Pa Phìn trên cơ sở nhập xã Si Pa Phìn và xã Phìn Hồ

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Si Pa Phìn có diện tích tự nhiên là 241,65 km² (đạt 241,65% so với quy định), quy mô dân số 10.772 người (đạt 215,44% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

+ Phía Bắc giáp xã Mường Chà và xã Chà Tở.

+ Phía Nam và phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

+ Phía Đông giáp xã Na Sang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Si Pa Phìn: Trụ sở HĐND và UBND xã Si Pa Phìn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Si Pa Phìn và xã Phìn Hồ có chung lịch sử hình thành, phát triển, theo đó xã Phìn Hồ được chia tách từ xã Si Pa Phìn theo Nghị định số 135/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính xã, huyện; thành lập xã; mở rộng và đổi tên thị trấn Mường Ảng thuộc huyện Tuần Giáo, huyện Mường Chà; thành lập huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên, có nhiều nét tương đồng về vị trí, điều kiện địa lý, giao thoa về truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán; thuận tiện về giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, sản xuất, giao dịch hành chính, quản lý của chính quyền cơ sở sau sắp xếp; đồng thời mở rộng không gian góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Si Pa Phìn hình thành sau sắp xếp; việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị.

- Xã Si Pa Phìn hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

11. Thành lập phường Mường Lay trên cơ sở nhập phường Sông Đà, phường Na Lay, xã Lay Nưa và xã Sá Tổng

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Mường Lay có diện tích tự nhiên là 222,65 km² (đạt 4.048,18% so với quy định), quy mô dân số 18.208 người (đạt 121,39% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

+ Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu.

+ Phía Nam giáp xã Pa Ham và xã Mường Tùng.

+ Phía Đông giáp xã Sín Chải và xã Sính Phình.

+ Phía Tây giáp xã Mường Tùng và tỉnh Lai Châu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Mường Lay: Toàn bộ trụ sở Thị ủy; HĐND và UBND thị xã Mường Lay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Phường Sông Đà, phường Na Lay, xã Lay Nưa và xã Sá Tổng là các xã có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 04 xã, phường tạo ra sự giao thoa về văn hóa, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Phường Mường Lay hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

12. Thành lập xã Na Sang trên cơ sở nhập xã Na Sang, xã Ma Thi Hồ, xã Sa Long và thị trấn Mường Chà

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Na Sang có diện tích tự nhiên là 360,15 km² (đạt 360,15% so với quy định), quy mô dân số 19.598 người (đạt 391,96% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Mường Tùng.

+ Phía Nam giáp xã Mường Pồn.

+ Phía Đông giáp xã Pa Ham và xã Nậm Nèn.

+ Phía Tây giáp xã Si Pa Phìn và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Na Sang: Toàn bộ trụ sở Huyện ủy; HĐND và UBND huyện Mường Chà.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 04 ĐVHC cấp xã sáp nhập để thành lập xã mới lấy tên là xã Na Sang có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; đồng thời tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Na Sang hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

13. Thành lập xã Mường Tùng trên cơ sở nhập xã Mường Tùng và xã

Huổi Lèng

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mường Tùng có diện tích tự nhiên là 278,93 km² (đạt 278,93% so với quy định), quy mô dân số 9.450 người (đạt 189,00% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

+ Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu.

+ Phía Nam giáp xã Na Sang.

+ Phía Đông giáp xã Pa Ham và phường Mường Lay.

+ Phía Tây giáp xã Chà Tở.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Mường Tùng: Trụ sở HĐND và UBND xã Mường Tùng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Mường Tùng và xã Huổi Lèng có nhiều nét tương đồng về vị trí, điều kiện địa lý, giao thoa về truyền thống văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán; thuận tiện về giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, sản xuất, giao dịch hành chính, quản lý của chính quyền cơ sở sau sắp xếp; đồng thời mở rộng không gian góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Mường Tùng hình thành sau sắp xếp; việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị.

- Xã Mường Tùng hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

14. Thành lập xã Pa Ham trên cơ sở nhập xã Pa Ham và xã Hừa Ngải

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Pa Ham có diện tích tự nhiên là 135,84 km² (đạt 135,84% so với quy định), quy mô dân số 8.171 người (đạt 163,42% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

+ Phía Bắc giáp phường Mường Lay.

+ Phía Nam giáp xã Nậm Nèn.

+ Phía Đông giáp xã Sính Phình và xã Nậm Nèn.

+ Phía Tây giáp xã Mường Tùng và xã Na Sang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Pa Ham: Trụ sở HĐND và UBND xã Pa Ham.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Pa Ham và xã Hừa Ngải có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 02 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế -

xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Pa Ham hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

15. Thành lập xã Nậm Nèn trên cơ sở nhập xã Nậm Nèn và xã Huổi Mí

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Nậm Nèn có diện tích tự nhiên là 175 km² (đạt 175% so với quy định ấn), quy mô dân số 7.496 người (đạt 149,92% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Pa Ham và xã Sính Phình.

+ Phía Nam giáp xã Mường Mùn.

+ Phía Đông giáp xã Tủa Chùa và xã Mường Mùn.

+ Phía Tây giáp xã Na Sang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Nậm Nèn: Trụ sở HĐND và UBND xã Nậm Nèn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Nậm Nèn và xã Huổi Mí có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 02 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Nậm Nèn hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

16. Thành lập xã Mường Pồn trên cơ sở nhập xã Mường Pồn và xã Mường Mươn

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mường Pồn có diện tích tự nhiên là 258,76 km² (đạt 258,76% so với quy định), quy mô dân số 10.401 người (đạt 208,02% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- + Phía Bắc giáp xã Na Sang.
- + Phía Nam giáp xã Thanh Nưa.
- + Phía Đông giáp xã Mường Mùn, xã Nà Tấu và xã Mường Phăng.
- + Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Mường Pồn: Trụ sở HĐND và UBND xã Mường Mươn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Mường Pồn và xã Mường Mươn có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 02 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Mường Pồn hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

17. Thành lập xã Tủa Chùa trên cơ sở nhập xã Mường Báng, xã Nà Tòng và thị trấn Tủa Chùa

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tủa Chùa có diện tích tự nhiên là 108,33 km² (đạt 108,33% so với quy định), quy mô dân số 17.817 người (đạt 356,34% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

- + Phía Bắc giáp xã Sính Phình.
- + Phía Nam giáp xã Mường Mùn và xã Pú Nhung.
- + Phía Đông giáp xã Sáng Nhè.
- + Phía Tây giáp xã Nậm Nèn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Tủa Chùa: Toàn bộ trụ sở Huyện ủy; HĐND và UBND huyện Tủa Chùa.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Mường Báng, xã Nà Tòng và thị trấn Tủa Chùa có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế -

xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Tủa Chùa hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

18. Thành lập xã Sín Chải trên cơ sở nhập xã Sín Chải, xã Tả Sìn Thàng và xã Lao Xả Phình

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sín Chải có diện tích tự nhiên là 189,13 km² (đạt 189,13% so với quy định), quy mô dân số 12.915 người (đạt 258,30% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu.

+ Phía Nam giáp xã Sính Phình.

+ Phía Đông giáp xã Tủa Thàng.

+ Phía Tây giáp phường Mường Lay và tỉnh Lai Châu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Sín Chải: Trụ sở HĐND và UBND xã Tả Sìn Thàng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Sín Chải, xã Tả Sìn Thàng và xã Lao Xả Phình có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Sín Chải hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

19. Thành lập xã Sính Phình trên cơ sở nhập xã Trung Thu, xã Tả Phìn và xã Sính Phình

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sính Phình có diện tích tự nhiên là 174,53 km² (đạt 174,53% so với quy định), quy mô dân số 15.815 người (đạt 316,30% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Sín Chải.

+ Phía Nam giáp xã Tủa Chùa.

+ Phía Đông giáp xã Tủa Thàng và xã Sáng Nhè.

+ Phía Tây giáp phường Mường Lay, xã Pa Ham và xã Nậm Nèn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Sính Phình: Trụ sở HĐND và UBND xã Sính Phình.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Trung Thu, xã Tả Phìn và xã Sính Phình có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Sính Phình hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

20. Thành lập xã Tủa Thàng trên cơ sở nhập xã Tủa Thàng và xã Huổi Sớ

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tủa Thàng có diện tích tự nhiên là 150,92 km² (đạt 150,92% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 8.944 người (đạt 178,88% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

+ Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu.

+ Phía Nam giáp xã Sáng Nhè.

+ Phía Đông giáp tỉnh Lai Châu và tỉnh Sơn La.

+ Phía Tây giáp xã Sính Phình và xã Sín Chải.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Tủa Thàng: Trụ sở HĐND và UBND xã Huổi Sớ.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Tủa Thàng và xã Huổi Sớ có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 02 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Tủa Thàng hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

21. Thành lập xã Sáng Nhè trên cơ sở nhập xã Xá Nhè, xã Mường Đun và xã Phình Sáng

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sáng Nhè có diện tích tự nhiên là 186,87 km² (đạt 186,87% so với quy định), quy mô dân số 19.208 người (đạt 384,16% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Tủa Thàng.

+ Phía Nam giáp xã Pú Nhung.

+ Phía Đông giáp tỉnh Sơn La.

+ Phía Tây giáp xã Sính Phình và xã Tủa Chùa.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Sáng Nhè: Trụ sở HĐND và UBND xã Xá Nhè.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Xá Nhè, xã Mường Đun và xã Phình Sáng có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Sáng Nhè hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

22. Thành lập xã Tuần Giáo trên cơ sở nhập xã Quài Cang, xã Quài Nưa và thị trấn Tuần Giáo

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tuần Giáo có diện tích tự nhiên là 108,49 km² (đạt 108,49% so với quy định), quy mô dân số 24.303 người (đạt 486,06% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Mường Mùn và xã Pú Nhung.

+ Phía Nam và phía Đông giáp xã Quài Tở.

+ Phía Tây giáp xã Chiềng Sinh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Tuần Giáo: Toàn bộ trụ sở Huyện ủy, HĐND và UBND huyện Tuần Giáo.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Quài Cang, xã Quài Nưa và thị trấn Tuần Giáo có sự tương đồng về

địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Tuần Giáo hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

23. Thành lập xã Quài Tở trên cơ sở nhập xã Tỏa Tình, xã Quài Tở và xã Tênh Phong

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Quài Tở có diện tích tự nhiên là 182,01 km² (đạt 182,01% so với quy định), quy mô dân số 14.887 người (đạt 297,74% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Pú Nhung.

+ Phía Nam và phía Đông giáp tỉnh Sơn La.

+ Phía Tây giáp xã Tuần Giáo, xã Chiềng Sinh, xã Búng Lao và xã Mường Lạn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Quài Tở: Trụ sở HĐND và UBND xã Quài Tở.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Tỏa Tình, xã Quài Tở và xã Tênh Phong có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Quài Tở hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

24. Thành lập xã Mường Mùn trên cơ sở nhập xã Mùn Chung, xã Mường Mùn và xã Pú Xi

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mường Mùn có diện tích tự nhiên là 252,84 km² (đạt 252,84% so với quy định), quy mô dân số 14.374 người (đạt 287,48% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - + Phía Bắc giáp xã Tòa Chùa, xã Nậm Nèn.
 - + Phía Nam giáp xã Chiềng Sinh.
 - + Phía Đông giáp xã Pú Nhung.
 - + Phía Tây giáp xã Na Sang và xã Mường Pôn.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Mường Mùn: Trụ sở HĐND và UBND xã Mường Mùn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Mùn Chung, xã Mường Mùn và xã Pú Xi có nhiều nét tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.
- Xã Mường Mùn hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

25. Thành lập xã Pú Nhung trên cơ sở nhập xã Pú Nhung, xã Rạng Đông và xã Ta Ma

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Pú Nhung có diện tích tự nhiên là 209,93 km² (đạt 209,93% so với quy định), quy mô dân số 12.547 người (đạt 250,94% so với quy định).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - + Phía Bắc giáp xã Sáng Nhè.
 - + Phía Nam giáp xã Tuần Giáo và xã Quài Tở.
 - + Phía Đông giáp tỉnh Sơn La.
 - + Phía Tây giáp xã Mường Mùn và xã Tòa Chùa.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Pú Nhung: Trụ sở HĐND và UBND xã Rạng Đông.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Pú Nhung, xã Rạng Đông và xã Ta Ma có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát

triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Pú Nhung hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

26. Thành lập xã Chiềng Sinh trên cơ sở nhập xã Chiềng Sinh, xã Nà Sáy, xã Mường Thín và xã Mường Khong

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Chiềng Sinh có diện tích tự nhiên là 218,01 km² (đạt 218,01% so với quy định), quy mô dân số 15.371 người (đạt 307,42% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Mường Mùn.

+ Phía Nam giáp xã Búng Lao.

+ Phía Đông giáp xã Tuần Giáo và xã Quài Tở.

+ Phía Tây giáp xã Mường Mùn và xã Nà Tấu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Chiềng Sinh: Trụ sở HĐND và UBND xã Nà Sáy.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- 04 xã sáp nhập để thành lập xã mới lấy tên là xã Chiềng Sinh có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; đồng thời tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Chiềng Sinh hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

27. Thành lập xã Mường Ảng trên cơ sở nhập xã Ảng Nưa, xã Ảng Cang và thị trấn Mường Ảng

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mường Ảng có diện tích tự nhiên là 85,94 km² (đạt 85,94% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 17.604 người (đạt 352,08% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Nà Tấu và xã Búng Lao.

+ Phía Nam giáp xã Pu Nhi.

- + Phía Đông giáp xã Búng Lao và xã Mường Lạn.
- + Phía Tây giáp xã Mường Phăng và xã Nà Tấu.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Mường Ảng: Toàn bộ trụ sở Huyện ủy, HĐND và UBND huyện Mường Ảng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Ảng Nưa, xã Ảng Cang và thị trấn Mường Ảng có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Mường Ảng sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn quy mô dân số, tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên chưa bảo đảm theo quy định, tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 quy định: *“Trường hợp sắp xếp từ 03 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thành 01 xã, phường mới thì không phải xem xét định hướng về tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này ...”*, vì vậy xã Mường Ảng hình thành sau sắp xếp vẫn đảm bảo theo quy định.

28. Thành lập xã Nà Tấu trên cơ sở nhập xã Nà Tấu, xã Mường Đăng và xã Ngòi Cáy

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nà Tấu có diện tích tự nhiên là 188,55 km² (đạt 188,55% so với quy định), quy mô dân số 14.939 người (đạt 298,78% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- + Phía Bắc giáp xã Mường Pồn và xã Chiềng Sinh.
- + Phía Nam giáp xã Mường Phăng và xã Mường Ảng.
- + Phía Đông giáp xã Búng Lao.
- + Phía Tây giáp xã Mường Pồn và xã Mường Phăng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Nà Tấu: Trụ sở HĐND và UBND xã Nà Tấu.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Nà Tấu, xã Mường Đăng và xã Ngòi Cáy có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình

phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Nà Tấu hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

29. Thành lập xã Búng Lao trên cơ sở nhập xã Búng Lao, xã Chiềng Đông và xã Ảng Tở

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Búng Lao có diện tích tự nhiên là 145,85 km² (đạt 145,85% so với quy định), quy mô dân số 19.657 người (đạt 393,14% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Chiềng Sinh.

+ Phía Nam giáp xã Mường Lạn.

+ Phía Đông giáp xã Chiềng Sinh và xã Quài Tở.

+ Phía Tây giáp xã Mường Ảng và xã Nà Tấu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Búng Lao: Trụ sở HĐND và UBND xã Búng Lao.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Búng Lao, xã Chiềng Đông và xã Ảng Tở có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Búng Lao hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

30. Thành lập xã Mường Lạn trên cơ sở nhập xã Mường Lạn, xã Nậm Lịch và xã Xuân Lao

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mường Lạn có diện tích tự nhiên là 136,01 km² (đạt 136,01% so với quy định), quy mô dân số 13.497 người (đạt 269,94% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Búng Lao và xã Mường Ảng.

+ Phía Nam giáp xã Na Son, xã Pu Nhi, xã Xa Dung và tỉnh Sơn La.

- + Phía Đông giáp xã Quài Tở và tỉnh Sơn La.
- + Phía Tây giáp xã Mường Ảng.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Mường Lạn: Trụ sở HĐND và UBND xã Mường Lạn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Mường Lạn và xã Nậm Lịch có chung lịch sử hình thành, phát triển; xã Nậm Lịch được chia tách từ xã Mường Lạn theo Nghị định số 135/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính xã, huyện; thành lập xã; mở rộng và đổi tên thị trấn Mường Ảng thuộc huyện Tuần Giáo, huyện Mường Chà; thành lập huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; xã Xuân Lao có vị trí địa lý giáp với cả hai xã Mường Lạn và Nậm Lịch và có nhiều tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Mường Lạn hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

31. Thành lập xã Mường Phăng trên cơ sở nhập xã Mường Phăng, xã Nà Nhạn và xã Pá Khoang

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mường Phăng có diện tích tự nhiên là 166,70 km² (đạt 166,70% so với quy định), quy mô dân số 16.063 người (đạt 321,26% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

- + Phía Bắc giáp xã Nà Tấu.
- + Phía Nam giáp xã Pu Nhi và phường Điện Biên Phủ.
- + Phía Đông giáp xã Mường Ảng.
- + Phía Tây giáp xã Thanh Nưa và phường Điện Biên Phủ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Mường Phăng: Trụ sở HĐND và UBND xã Mường Phăng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Mường Phăng và xã Pá Khoang có chung lịch sử hình thành, phát triển; xã Pá Khoang được chia tách từ xã Mường Phăng theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 25/08/2012 của Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính cấp xã, huyện thuộc tỉnh Điện Biên; xã Nà Nhạn có vị trí địa lý giáp với cả hai xã Mường Phăng và xã Pá Khoang và có nhiều tương

đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Mường Phăng hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

32. Thành lập phường Điện Biên Phủ trên cơ sở nhập phường Him Lam, phường Tân Thanh, phường Mường Thanh, phường Thanh Bình, phường Thanh Trường và xã Thanh Minh

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Điện Biên Phủ có diện tích tự nhiên là 56,75 km² (đạt 1.031,82% so với quy định), quy mô dân số 49.205 người (đạt 328,03% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

+ Phía Bắc giáp xã Mường Phăng.

+ Phía Nam giáp phường Mường Thanh và xã Pu Nhi.

+ Phía Đông giáp xã Mường Phăng.

+ Phía Tây giáp xã Thanh Nưa.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Điện Biên Phủ: Toàn bộ trụ sở Thành ủy; HĐND và UBND thành phố Điện Biên Phủ.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Sáp nhập 05 phường và xã Thanh Minh để thành lập phường mới lấy tên là phường Điện Biên Phủ có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 06 ĐVHC cấp xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Phường Điện Biên Phủ hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

33. Thành lập phường Mường Thanh trên cơ sở nhập phường Noong Bua, phường Nam Thanh và xã Thanh Xương

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Mường Thanh có diện tích tự nhiên là 27,56 km² (đạt 501,09% so với quy định), quy mô dân số 25.517 người (đạt 170,11% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp phường Điện Biên Phủ.

+ Phía Nam giáp xã Thanh An.

+ Phía Đông giáp phường Điện Biên Phủ và xã Pu Nhi.

+ Phía Tây giáp xã Thanh Nưa và xã Thanh Yên.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Mường Thanh: Toàn bộ trụ sở Huyện ủy; HĐND và UBND huyện Điện Biên.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Phường Nam Thanh, phường Noong Bua và xã Thanh Xương có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Phường Mường Thanh hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

34. Thành lập xã Thanh Nưa trên cơ sở nhập xã Thanh Nưa, xã Hua Thanh, xã Thanh Luông, xã Thanh Hưng và xã Thanh Chăn

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thanh Nưa có diện tích tự nhiên là 176,97 km² (đạt 176,97% so với quy định), quy mô dân số 29.397 người (đạt 587,94% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Mường Pồn.

+ Phía Nam giáp xã Thanh Yên.

+ Phía Đông giáp phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh.

+ Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thanh Nưa: Trụ sở HĐND và UBND xã Thanh Luông.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Sáp nhập 05 ĐVHC cấp xã để thành lập xã mới lấy tên là xã Thanh Nưa là các xã có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về

giao thông; việc sáp nhập 05 ĐVHC cấp xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Thanh Nưa hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

35. Thành lập xã Thanh An trên cơ sở nhập xã Thanh An, xã Noong Hẹt và xã Sam Mứn

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thanh An có diện tích tự nhiên là 57,23 km² (đạt 57,23% so với quy định), quy mô dân số 20.686 người (đạt 413,72% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp phường Mường Thanh.

+ Phía Nam giáp xã Núa Ngam và xã Sam Mứn.

+ Phía Tây giáp xã Sam Mứn và xã Thanh Yên.

+ Phía Đông giáp xã Pu Nhi và xã Núa Ngam.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thanh An: Trụ sở HĐND và UBND xã Noong Hẹt.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Thanh An, xã Noong Hẹt và xã Sam Mứn có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Thanh An sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn quy mô dân số, tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên chưa bảo đảm theo quy định, tuy nhiên tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 quy định: *“Trường hợp sắp xếp từ 03 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thành 01 xã, phường mới thì không phải xem xét định hướng về tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này....”*, vì vậy xã Thanh An hình thành sau sắp xếp vẫn đảm bảo theo quy định.

36. Thành lập xã Thanh Yên trên cơ sở nhập xã Noong Luống, xã Pa

Thơm và xã Thanh Yên

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thanh Yên có diện tích tự nhiên là 130,10 km² (đạt 130,10% so với quy định), quy mô dân số 15.697 người (đạt 313,94% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Thanh Nưa.

+ Phía Nam giáp xã Pom Lót và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

+ Phía Đông giáp phường Mường Thanh, xã Thanh An và xã Sam Mứn.

+ Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thanh Yên: Trụ sở HĐND và UBND xã Noong Luống.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Noong Luống, xã Pa Thơm và xã Thanh Yên có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Thanh Yên hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

37. Thành lập xã Sam Mứn trên cơ sở nhập xã Pom Lót và xã Na Ư

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sam Mứn có diện tích tự nhiên là 156,12 km² (đạt 156,12% so với quy định), quy mô dân số 8.183 người (đạt 163,66% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Thanh Yên và xã Thanh An.

+ Phía Nam giáp xã Núa Ngam và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

+ Phía Đông giáp xã Thanh An và xã Núa Ngam.

+ Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Sam Mứn: Trụ sở HĐND và UBND xã Pom Lót.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Pom Lót, xã Na Ư có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 02 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa,

dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Sam Mứn hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

38. Thành lập xã Núa Ngam trên cơ sở nhập xã Núa Ngam, xã Hẹ Muông và xã Na Tông

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Núa Ngam có diện tích tự nhiên là 264,78 km² (đạt 264,78% so với quy định), quy mô dân số 11.804 người (đạt 236,08% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

+ Phía Bắc giáp xã Thanh An và xã Pu Nhi.

+ Phía Nam giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

+ Phía Đông giáp xã Na Son, xã Phình Giàng và xã Mường Nhà.

+ Phía Tây giáp xã Sam Mứn và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Núa Ngam: Trụ sở HĐND và UBND xã Núa Ngam.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Núa Ngam và xã Hẹ Muông có chung lịch sử hình thành, phát triển; xã Hẹ Muông được chia tách từ xã Núa Ngam theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 25/08/2012 của Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính cấp xã, huyện thuộc tỉnh Điện Biên; xã Na Tông có vị trí địa lý giáp với cả hai xã Núa Ngam, xã Hẹ Muông và có nhiều tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Núa Ngam hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

39. Thành lập xã Mường Nhà trên cơ sở nhập xã Mường Nhà, xã Mường Lói và xã Phu Luông

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mường Nhà có diện tích tự nhiên là 463,00 km² (đạt 463,00% so với quy định), quy mô dân số 9.653 người (đạt 193,06% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Núa Ngam và xã Phình Giàng.

+ Phía Nam giáp tỉnh Sơn La và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

+ Phía Đông giáp xã Phình Giàng và tỉnh Sơn La.

+ Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Mường Nhà: Trụ sở HĐND và UBND xã Phú Lương.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Mường Nhà, xã Mường Lói và xã Phú Lương có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Mường Nhà hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

40. Thành lập xã Na Son trên cơ sở nhập xã Na Son, xã Keo Lôm và thị trấn Điện Biên Đông

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Na Son có diện tích tự nhiên là 230,71 km² (đạt 230,71% so với quy định), quy mô dân số 15.331 người (đạt 306,62% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Mường Lạn.

+ Phía Nam giáp xã Phình Giàng và xã Núa Ngam.

+ Phía Đông giáp xã Xa Dung.

+ Phía Tây giáp xã Pu Nhi và xã Núa Ngam.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Na Son: Toàn bộ trụ sở Huyện ủy; HĐND và UBND huyện Điện Biên Đông.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Na Son và thị trấn Điện Biên Đông có chung lịch sử hình thành, phát triển; thị trấn Điện Biên Đông được chia tách từ xã Na Son theo Nghị định số

72/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 về việc thành lập xã, thị trấn thuộc các huyện Điện Biên và Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên; xã Keo Lôm có vị trí địa lý giáp với cả xã Na Son và thị trấn Điện Biên Đông và có nhiều sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Na Son hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

41. Thành lập xã Xa Dung trên cơ sở nhập xã Xa Dung và xã Phì Nhừ

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xa Dung có diện tích tự nhiên là 215,50 km² (đạt 215,50% so với quy định), quy mô dân số 15.722 người (đạt 314,44% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

+ Phía Bắc giáp xã Mường Lạn.

+ Phía Nam giáp xã Phình Giàng và xã Tìà Đình.

+ Phía Đông giáp xã Mường Luân và tỉnh Sơn La.

+ Phía Tây giáp xã Na Son.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Xa Dung: Trụ sở HĐND và UBND xã Phì Nhừ.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Xa Dung, xã Phì Nhừ có sự tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 02 xã tạo ra sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Xa Dung hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

42. Thành lập xã Pu Nhi trên cơ sở nhập xã Pu Nhi và xã Nong U

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Pu Nhi có diện tích tự nhiên là 181,22 km² (đạt 181,22% so với quy

định), quy mô dân số 9.990 người (đạt 199,80% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Mường Phăng và xã Mường Ảng.

+ Phía Nam giáp xã Na Son.

+ Phía Đông giáp xã Na Son.

+ Phía Tây giáp xã Mường Phăng, phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh và xã Thanh An.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Pu Nhi: Trụ sở HĐND và UBND xã Pu Nhi.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Pu Nhi và xã Nong U có chung lịch sử hình thành, phát triển; xã Nong U được chia tách từ xã Pu Nhi theo Nghị định số 72/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 về việc thành lập xã, thị trấn thuộc các huyện Điện Biên và Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên; có nhiều nét tương đồng về vị trí, điều kiện địa lý, giao thoa về truyền thống văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán; thuận tiện về giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, sản xuất, giao dịch hành chính, quản lý của chính quyền cơ sở sau sắp xếp; đồng thời mở rộng không gian góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Pu Nhi hình thành sau sắp xếp. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị.

- Xã Pu Nhi hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

43. Thành lập xã Mường Luân trên cơ sở nhập xã Mường Luân, xã Chiềng Sơ và xã Luân Giới

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mường Luân có diện tích tự nhiên là 186,22 km² (đạt 186,22% so với quy định), quy mô dân số 16.012 người (đạt 320,24% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Xa Dung và tỉnh Sơn La.

+ Phía Nam giáp xã Tà Dình và tỉnh Sơn La.

+ Phía Đông giáp tỉnh Sơn La.

+ Phía Tây giáp xã Xa Dung và xã Tà Dình.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Mường Luân: Trụ sở HĐND và UBND xã Mường Luân.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Mường Luân, xã Chiềng Sơ và xã Luân Giới có sự tương đồng về địa

lý, điều kiện kinh tế - xã hội, thuận tiện về giao thông; việc sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã có sự giao thoa về văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tăng hiểu biết lẫn nhau, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, tăng quy mô đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với quá trình phát triển tại địa bàn; nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Xã Mường Luân hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

44. Thành lập xã Tà Đình trên cơ sở nhập xã Tà Đình và xã Háng Lìa

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tà Đình có diện tích tự nhiên là 166,76 km² (đạt 166,76% so với quy định), quy mô dân số 7.292 người (đạt 145,84% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

+ Phía Bắc giáp xã Mường Luân và xã Xa Dung.

+ Phía Nam giáp tỉnh Sơn La.

+ Phía Đông giáp xã Mường Luân và tỉnh Sơn La.

+ Phía Tây giáp xã Phình Giàng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Tà Đình: Trụ sở HĐND và UBND xã Háng Lìa.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Tà Đình và xã Háng Lìa có chung lịch sử hình thành, phát triển; xã Tà Đình được chia tách từ xã Háng Lìa theo Nghị định số 72/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 về việc thành lập xã, thị trấn thuộc các huyện Điện Biên và Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên; có nhiều nét tương đồng về vị trí, điều kiện địa lý, giao thoa về truyền thống văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán; thuận tiện về giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, sản xuất, giao dịch hành chính, quản lý của chính quyền cơ sở sau sắp xếp; đồng thời mở rộng không gian góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Tà Đình hình thành sau sắp xếp. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị.

- Xã Tà Đình hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

45. Thành lập xã Phình Giàng trên cơ sở nhập xã Phình Giàng và xã Pú Hồng

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phình Giàng có diện tích tự nhiên là 226,37 km² (đạt 226,37% so với

quy định), quy mô dân số 10.467 người (đạt 209,34% so với quy định).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Na Son và xã Xa Dung.

+ Phía Nam giáp xã Mường Nhà.

+ Phía Tây giáp xã Mường Nhà và xã Núa Ngam.

+ Phía Đông giáp xã Tà Đình và tỉnh Sơn La.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Phình Giàng: Trụ sở HĐND và UBND xã Phình Giàng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Phình Giàng và xã Pú Hồng có chung lịch sử hình thành, phát triển; xã Pú Hồng được chia tách từ xã Phình Giàng theo Nghị định số 72/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 về việc thành lập xã, thị trấn thuộc các huyện Điện Biên và Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên; có nhiều sự tương đồng về vị trí, điều kiện địa lý, giao thoa về truyền thống văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán; thuận tiện về giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, sản xuất, giao dịch hành chính, quản lý của chính quyền cơ sở sau sắp xếp; đồng thời mở rộng không gian góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Phình Giàng hình thành sau sắp xếp. Việc sắp xếp góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị.

- Xã Phình Giàng hình thành sau sắp xếp đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH ĐIỆN BIÊN

Trước khi sắp xếp, tỉnh Điện Biên có 129 ĐVHC cấp xã (gồm 115 xã, 09 phường và 05 thị trấn). Sau khi sắp xếp, tỉnh Điện Biên còn 45 ĐVHC cấp xã (gồm 03 phường, 42 xã); giảm 84 ĐVHC cấp xã, đạt tỷ lệ giảm 65,1%.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

1.1. Cơ cấu tổ chức chính quyền cấp xã sau sắp xếp

Chính quyền địa phương cấp xã gồm có Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND):

a) HĐND xã thành lập 02 ban giúp việc là Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội.

b) UBND xã thành lập tối đa 04 Phòng, tương đương trực thuộc:

Theo định hướng của Chính phủ tại Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 thì “*Đối với trường hợp sắp xếp từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thành 01 đơn vị hành chính cấp xã mới, định hướng tổ chức tối đa 04 phòng chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp xã. Giao UBND cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, quy mô diện tích tự nhiên, dân số, đặc thù quản lý của từng đơn vị hành chính cấp xã để quyết định số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND của từng cấp xã cho phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; trên cơ sở đó, đề xuất thành lập phòng thuộc UBND cấp xã như sau:

- Dự kiến tiêu chí xác định số lượng phòng như sau: Xã được thành lập từ sáp nhập 04 xã hoặc xã sau sắp xếp có quy mô dân số đạt trên 300% so với tiêu chuẩn trở lên hoặc phường được thành lập 04 phòng; xã hình thành từ sáp nhập 02 đơn vị hành chính cấp xã hoặc xã có quy mô dân số dưới 300% so với tiêu chuẩn thì thành lập 03 phòng (đơn vị hành chính cấp xã chỉ thành lập 03 phòng thì chuyển chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm phục vụ hành chính công vào Văn phòng HĐND và UBND để thành lập 01 phòng).

- Cụ thể phòng thuộc UBND cấp xã: Trên cơ sở số lượng đơn vị hành chính theo phương án nêu trên thì dự kiến số lượng phòng thuộc các xã, phường cụ thể như sau:

+ Có 21 xã, phường được thành lập 04 phòng và tổ chức tương đương gồm: (1) Văn phòng HĐND và UBND xã, (2) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường), (3) Phòng Văn hóa - Xã hội, (4) Trung tâm phục vụ hành chính công.

+ Có 24 xã được thành lập 03 phòng, gồm: (1) Văn phòng HĐND và UBND (hoặc tên gọi khác nhưng bao gồm chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng HĐND và UBND và chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm phục vụ hành chính công); (2) Phòng Kinh tế; (3) Phòng Văn hóa - Xã hội.

Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự ở cấp xã mới sau sắp xếp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

1.2. Về số lượng chức danh lãnh đạo

- Lãnh đạo HĐND xã, phường gồm Chủ tịch (là chức danh kiêm nhiệm; đề xuất Bí thư hoặc Phó Bí thư thường trực Đảng ủy kiêm nhiệm) và 01 Phó Chủ tịch (là chức danh chuyên trách).

- Lãnh đạo UBND xã, phường gồm Chủ tịch và không quá 02 Phó Chủ tịch (01 Phó Chủ tịch kiêm Chánh văn phòng HĐND và UBND, 01 Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công. Trường hợp xã có 03 phòng thì 01 Phó Chủ tịch kiêm Chánh văn phòng HĐND và UBND, 01 Phó Chủ tịch kiêm Trưởng phòng của 01 trong 02 phòng còn lại tùy theo trình độ chuyên môn).

- Các Ban của HĐND xã, phường có Trưởng ban (là chức danh kiêm

nhiệm; đề xuất lãnh đạo cơ quan giúp việc của Đảng ủy, MTTQ kiêm nhiệm) và 01 Phó Trưởng ban (là chức danh chuyên trách).

- Các cơ quan chuyên môn của UBND xã, phường bố trí 01 cấp trưởng (chức danh chuyên trách hoặc do Phó Chủ tịch UBND kiêm nhiệm) và 01 cấp phó (chuyên trách).

1.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Nhiệm vụ, quyền hạn của cấp xã sau sắp xếp thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương và định hướng tại Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ.

1.4. Biên chế

- Theo định hướng của Chính phủ thì bình quân mỗi xã có 32 biên chế (gồm cả biên chế của lãnh đạo HĐND, các Ban của HĐND, lãnh đạo UBND). Như vậy, đối với tỉnh Điện Biên tổng biên chế bố trí cho khối chính quyền của 45 xã, phường là 1.440 biên chế; dự kiến tiêu chí bố trí biên chế, như sau:

- Xã, phường sau sắp xếp được bố trí tối thiểu 28 biên chế. Ngoài ra, tùy theo quy mô, đặc thù của từng xã, phường để tính biên chế tăng thêm, cách tính biên chế tăng thêm cụ thể như sau:

+ Xã, phường sau sắp xếp có diện tích hoặc dân số từ 200% so với tiêu chuẩn trở lên thì cứ tăng thêm 50% thì được tính tăng 01 biên chế cho mỗi tiêu chí tăng thêm;

+ Xã biên giới được bố trí tăng thêm 01 biên chế;

+ Xã hình thành trên cơ sở sáp nhập 03 xã, thị trấn thì được bố trí tăng thêm 01 biên chế; xã hình thành trên cơ sở sáp nhập 04 xã, thị trấn thì được bố trí tăng thêm 02 biên chế.

+ Phường sau sắp xếp được bố trí tăng thêm 03 biên chế (trừ trường hợp phường có dân số dưới 150% so với tiêu chuẩn).

- Tổng số biên chế xã sau khi tăng thêm không quá 36 biên chế, phường không quá 39 biên chế và đảm bảo tổng biên chế khối chính quyền cấp xã thuộc tỉnh không vượt quá 1.440 biên chế (**biên chế khi ổn định sau 05 năm**).

- Khi thực hiện sắp xếp chuyển 100% biên chế cấp huyện hiện có (trừ biên chế Thanh tra cấp huyện chuyển về Thanh tra tỉnh do thực hiện Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan Thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư) để bố trí biên chế cấp xã, trong đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các đơn vị cấp xã mới.

- Sau sắp xếp, căn cứ quy định về định mức biên chế để giao biên chế cho cấp xã theo quy định gắn với tinh giản biên chế cơ cấu lại đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Sau khi các xã, phường đi vào hoạt động, UBND tỉnh sẽ căn cứ vào quy

mô, điều kiện kinh tế - xã hội, đặc thù của từng xã, phường để giao biên chế hằng năm cho phù hợp với tình hình thực tế.

1.5. Phương án, lộ trình sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ công

a) Đối với lĩnh vực giáo dục: Theo định hướng tại Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; hướng dẫn tại Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ và thực tế địa phương, dự kiến thực hiện:

- Giữ nguyên các trường Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non công lập và chuyển giao cho chính quyền địa phương cấp xã quản lý.

- Giữ nguyên trạng các cơ sở giáo dục phổ thông công lập do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý như hiện nay. Việc tuyển sinh của các Trường THPT được phân luồng theo khu vực các xã, phường thuộc khu vực địa bàn các huyện, thị xã, thành phố như hiện nay.

- Đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX) thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý và tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường, cụ thể: Tổ chức lại Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Điện Biên và 09 Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện để thành lập 04 Trung tâm GDNN-GDTX trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, thực hiện cung ứng dịch vụ công theo khu vực liên xã, phường, gồm:

(1) Thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 1 trên cơ sở sáp nhập Trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Điện Biên, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Điện Biên Đông. Thực hiện cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực tại khu vực các xã thuộc thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên và huyện Điện Biên Đông hiện nay

- + Dự kiến tên gọi: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 1.

- + Cơ cấu tổ chức: Lãnh đạo có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc (ngay sau khi sắp xếp số lượng Phó Giám đốc có thể cao hơn nhưng phải sắp xếp đảm bảo số lượng cấp phó sau 05 năm) và các tổ chuyên môn.

- + Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục thường xuyên; Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- + Số lượng người làm việc: Dự kiến 64 người (trước mắt tiếp nhận 100% người làm việc của Trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Điện Biên, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Điện Biên Đông sau đó sẽ thực hiện cơ cấu lại theo vị trí việc làm, điều chuyển người làm việc giữa các trung tâm đảm bảo theo định mức quy định trong vòng 05 năm).

+ Trụ sở làm việc: Đặt tại Phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (trụ sở của Trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên hiện nay). Đối với trụ sở làm việc của Trung tâm GDNN-GDTX huyện Điện Biên hiện nay chuyển cho xã Thanh An quản lý sử dụng; trụ sở của Trung tâm GDNN-GDTX huyện Điện Biên Đông hiện nay chuyển cho xã Na Son quản lý, sử dụng (nếu cấp xã có nhu cầu).

(2) Thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 2 trên cơ sở sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mường Ảng, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tuần Giáo, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tủa Chùa. Thực hiện cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực tại khu vực các xã thuộc huyện Tủa Chùa, Tuần Giáo, Mường Ảng hiện nay

+ Dự kiến tên gọi: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 2.

+ Cơ cấu tổ chức: Lãnh đạo có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc (ngay sau khi sắp xếp số lượng Phó Giám đốc có thể cao hơn nhưng phải sắp xếp đảm bảo số lượng cấp phó sau 05 năm) và các tổ chuyên môn.

+ Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

+ Số lượng người làm việc: Dự kiến 47 người (trước mắt tiếp nhận 100% người làm việc của Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mường Ảng, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tuần Giáo, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tủa Chùa sau đó sẽ thực hiện cơ cấu lại theo vị trí việc làm, điều chuyển người làm việc giữa các trung tâm đảm bảo theo định mức quy định trong vòng 05 năm).

+ Trụ sở làm việc: Đặt tại xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trụ sở làm việc hiện nay của Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tuần Giáo chuyển cho xã Tuần Giáo quản lý, sử dụng; trụ sở của Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tủa Chùa hiện nay chuyển cho xã Tủa Chùa quản lý, sử dụng (nếu cấp xã có nhu cầu).

(3) Thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 3 trên cơ sở sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Mường Lay, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mường Chà. Thực hiện cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực tại khu vực các xã thuộc thị xã Mường Lay và huyện Mường Chà hiện nay

+ Dự kiến tên gọi: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 3.

+ Cơ cấu tổ chức: Lãnh đạo có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc (ngay sau khi sắp xếp số lượng Phó Giám đốc có thể cao hơn nhưng phải sắp xếp đảm bảo số lượng cấp phó sau 05 năm) và các tổ chuyên môn.

+ Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

+ Số lượng người làm việc: Dự kiến 20 người (trước mắt tiếp nhận 100% người làm việc của Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Mường Lay, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mường Chà sau đó sẽ thực hiện cơ cấu lại theo vị trí việc làm đảm bảo theo định mức quy định trong vòng 05 năm).

+ Trụ sở làm việc: Đặt tại Phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên. Trụ sở làm việc của GDNN-GDTX huyện Mường Chà hiện nay chuyển cho xã Na Sang quản lý, sử dụng (nếu cấp xã có nhu cầu).

(4) Thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 4 trên cơ sở sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mường Nhé, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nậm Pồ. Thực hiện cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực tại khu vực các xã thuộc huyện Mường Nhé, Nậm Pồ hiện nay

+ Dự kiến tên gọi: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 4.

+ Cơ cấu tổ chức: Lãnh đạo có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc (ngay sau khi sắp xếp số lượng Phó Giám đốc có thể cao hơn nhưng phải sắp xếp đảm bảo số lượng cấp phó sau 05 năm) và các tổ chuyên môn.

+ Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

+ Số lượng người làm việc: Dự kiến 22 người (trước mắt tiếp nhận 100% người làm việc của Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mường Nhé, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nậm Pồ sau đó sẽ thực hiện cơ cấu lại theo vị trí việc làm đảm bảo theo định mức quy định trong vòng 05 năm).

+ Trụ sở làm việc: Đặt tại xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Trụ sở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nậm Pồ hiện nay chuyển cho xã Nà Hỳ quản lý, sử dụng (nếu cấp xã có nhu cầu).

Sau khi cấp xã mới đi vào hoạt động, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tuyển sinh theo các khu vực phù hợp với thực tế, quy mô hoạt động của từng trung tâm và điều chỉnh số lượng người làm việc giữa các trung tâm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cụ thể, đảm bảo sử dụng hiệu quả số lượng người làm việc được giao.

b) Đối với lĩnh vực y tế: Theo định hướng tại Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; hướng dẫn tại Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ và thực tế địa phương, dự kiến thực hiện:

- Đối với Trạm Y tế xã, phường: Giữ nguyên các Trạm Y tế và chuyển cho UBND cấp xã quản lý để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Sau khi xã, phường mới đi vào hoạt động sẽ căn cứ quy mô dân số và đặc điểm địa lý của mỗi xã, phường để nghiên cứu sắp xếp lại theo hướng mỗi

xã chỉ duy trì 01 Trạm Y tế và các điểm Trạm y tế (là các trụ sở của các Trạm Y tế sáp nhập).

+ Dự kiến tên gọi: Trạm y tế xã, phường + tên đơn vị hành chính xã, phường sau sắp xếp.

+ Cơ cấu tổ chức: Trạm y tế có Trưởng trạm, 01 Phó Trưởng trạm và viên chức chuyên môn.

+ Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế (trước mắt thực hiện theo Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của trạm y tế xã, phường, thị trấn đến khi có Thông tư hướng dẫn mới của Bộ Y tế).

+ Về số lượng người làm việc: Trên cơ sở điều chuyển số lượng người làm việc của các trạm y tế của các xã và phòng khám đa khoa khu vực hiện nay. Sau khi các xã đi vào hoạt động, UBND cấp xã sẽ căn cứ quy định về định mức người làm việc của Bộ Y tế để cơ cấu lại theo vị trí việc làm và giao số lượng người làm việc theo quy định.

- Đối với Phòng khám đa khoa khu vực hiện nay, gồm Leng Su Sìn, Ba Chà, Si Pa Phìn, Mường Nhà, Búng Lao, Xá Nhè, Tả Sìn Thàng: Trước mắt tiếp tục duy trì 07 phòng khám đa khoa khu vực để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của người dân. Giao cho các Trung tâm Y tế khu vực quản lý đối với phòng khám đặt trên địa bàn xã thuộc khu vực phụ trách.

- Giữ nguyên 10 Trung tâm Y tế do Sở Y tế quản lý, đồng thời sáp nhập các phòng/khoa chuyên môn hệ dự phòng (Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS; Khoa Y tế công cộng; Khoa An toàn thực phẩm; Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe) để thành 01 Khoa Y tế dự phòng thuộc Trung tâm Y tế. Dự kiến tên gọi là Trung tâm Y tế khu vực từ 1 đến 10.

c) *Đơn vị sự nghiệp cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường*: Theo hướng dẫn tại Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ, sau khi sắp xếp sẽ tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn (cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường, ...), căn cứ hướng dẫn và tình hình thực tế địa phương, dự kiến thực hiện:

- Kết thúc hoạt động của Trung tâm Văn hóa, Truyền thanh, Truyền hình cấp huyện, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp hoặc Trung tâm Dịch vụ kinh tế tổng hợp cấp huyện, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên để thành lập ở mỗi xã, phường 01 đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc UBND cấp xã để thực hiện cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường.

+ Dự kiến tên gọi: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp + tên đơn vị hành chính

xã, phường.

+ Cơ cấu tổ chức: Trung tâm có Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và các viên chức chuyên môn.

+ Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện công tác chuyên môn kỹ thuật thuộc lĩnh vực nông nghiệp, cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công lập về lĩnh vực chăn nuôi, thú y, trồng trọt, bảo vệ thực vật, thủy sản, triển khai thực hiện các hoạt động khuyến nông, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và dịch vụ nông nghiệp; cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công lập lĩnh vực môi trường; thực hiện phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch, cung ứng dịch vụ công, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, thông tin, du lịch cho nhân dân trên địa bàn.

+ Về số lượng người làm việc: Trên cơ sở điều chuyển 416 người làm việc của Trung tâm Văn hóa, Truyền thanh, Truyền hình cấp huyện, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Trung tâm Dịch vụ kinh tế tổng hợp, nhà khách về Trung tâm Dịch vụ tổng hợp (dự kiến mỗi đơn vị bố trí khoảng 09 người làm việc, trong đó: lĩnh vực văn hoá, truyền hình khoảng 05 người; lĩnh vực nông nghiệp khoảng 04 người). Sau khi cấp xã đi vào hoạt động, UBND tỉnh sẽ rà soát tổng thể số lượng người làm việc của tỉnh để cân đối, bổ sung cho UBND cấp xã giao cho Trung tâm Dịch vụ tổng hợp nhằm tăng cường người làm việc cho lĩnh vực còn thiếu. Giao Trung tâm Dịch vụ tổng hợp thuộc UBND cấp xã trực tiếp ký hợp đồng đối với lực lượng khuyến nông viên cấp xã, nhân viên thú y cấp xã, bảo lâm để đảm bảo có thêm lực lượng hỗ trợ trong lĩnh vực nông nghiệp (hiện đang do UBND cấp xã hợp đồng).

d) Đối với đơn vị sự nghiệp công cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực xây dựng

* Theo hướng dẫn tại Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ, thực hiện sắp xếp lại, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên (Ban Quản lý dự án) thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực xây dựng, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng,...trên địa bàn. Trường hợp cần thiết, UBND cấp tỉnh có thể thành lập đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Quản lý dự án của UBND cấp tỉnh để cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

* Theo Luật Xây dựng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng quy định về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng: “*Căn cứ quy mô, tính chất, nguồn vốn sử dụng và điều kiện thực hiện dự án đầu tư xây dựng, người quyết định đầu tư quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án sau: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án; Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc; Tổ chức tư vấn quản lý dự án*”. Trên cơ sở quy định của pháp luật về xây dựng và tình hình thực tế tại địa phương, dự kiến thực hiện:

(1) Giữ nguyên 03 Ban Quản lý dự án chuyên ngành thuộc UBND tỉnh

như hiện nay gồm: Ban Quản lý dự án các công trình giao thông; Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Ban Quản lý dự án các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn do hiện nay các Ban đang hoạt động ổn định.

(2) Tổ chức lại các Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất các huyện, thị xã; Ban Quản lý dự án và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên để thành lập 05 Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực thuộc UBND tỉnh, gồm:

- *Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực 1*: Trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý dự án thành phố Điện Biên Phủ và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Điện Biên Phủ hiện nay.

+ Chức năng, nhiệm vụ: Là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực xây dựng, giải phóng mặt bằng, phát triển quỹ đất khu vực liên phường (khu vực phường Mường Thanh và phường Điện Biên Phủ sau sắp xếp).

+ Cơ cấu tổ chức: Ban có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc (số lượng Phó Giám đốc ngay sau khi sắp xếp có thể nhiều hơn nhưng phải sắp xếp đảm bảo quy định trong vòng 05 năm); cơ cấu tổ chức gồm các tổ chuyên môn và viên chức.

+ Số lượng người làm việc: Tiếp nhận số lượng người làm việc của Ban Quản lý dự án thành phố Điện Biên Phủ và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Điện Biên Phủ hiện nay (đang giao 59 người làm việc). Sau khi đi vào hoạt động, căn cứ vị trí việc làm, khối lượng công việc và Đề án tự chủ của đơn vị để bố trí người làm việc đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ.

+ Trụ sở: Đặt tại phường Điện Biên Phủ (trụ sở Ban Quản lý dự án thành phố Điện Biên Phủ hiện nay).

- *Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực 2*: Trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Mường Ảng và Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuần Giáo hiện nay.

+ Chức năng, nhiệm vụ: Là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực xây dựng, giải phóng mặt bằng, phát triển quỹ đất khu vực liên xã (khu vực các xã thuộc huyện Tuần Giáo và Mường Ảng hiện nay).

+ Cơ cấu tổ chức: Ban có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc (số lượng Phó Giám đốc ngay sau khi sắp xếp có thể nhiều hơn nhưng phải sắp xếp đảm bảo quy định trong vòng 05 năm); cơ cấu tổ chức gồm các tổ chuyên môn và viên chức.

+ Số lượng người làm việc: Tiếp nhận số lượng người làm việc của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Mường Ảng và Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuần Giáo hiện nay (đang giao 39 người làm việc). Sau khi đi vào hoạt động, căn cứ vị trí việc làm, khối lượng công việc và Đề án tự

chủ của đơn vị để bố trí người làm việc đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ.

+ Trụ sở làm việc: Đặt tại xã Mường Ảng (trụ sở của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Mường Ảng hiện nay).

- *Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực 3*: Trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý dự án huyện Điện Biên; Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Điện Biên và Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Điện Biên Đông hiện nay.

+ Chức năng, nhiệm vụ: Là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực xây dựng, giải phóng mặt bằng, phát triển quỹ đất khu vực liên xã (khu vực các xã thuộc huyện Điện Biên và Điện Biên Đông hiện nay).

+ Cơ cấu tổ chức: Ban có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc (số lượng Phó Giám đốc ngay sau khi sắp xếp có thể nhiều hơn nhưng phải sắp xếp đảm bảo quy định trong vòng 05 năm); cơ cấu tổ chức gồm các tổ chuyên môn và viên chức.

+ Số lượng người làm việc: Tiếp nhận số lượng người làm việc của Ban Quản lý dự án huyện Điện Biên; Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Điện Biên và Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Điện Biên Đông hiện nay (đang giao 39 người làm việc). Sau khi đi vào hoạt động, căn cứ vị trí việc làm, khối lượng công việc và Đề án tự chủ của đơn vị để bố trí người làm việc đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ.

+ Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở của Ban Quản lý dự án huyện Điện Biên hoặc trụ sở của các phòng ban thuộc UBND huyện hiện nay.

- *Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực 4*: Trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Mường Chà; Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tủa Chùa và Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thị xã Mường Lay hiện nay.

+ Chức năng, nhiệm vụ: Là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực xây dựng, giải phóng mặt bằng, phát triển quỹ đất khu vực liên xã, phường (khu vực các xã thuộc huyện Mường Chà, Tủa Chùa và phường Mường Lay).

+ Cơ cấu tổ chức: Ban có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc (số lượng Phó Giám đốc ngay sau khi sắp xếp có thể nhiều hơn nhưng phải sắp xếp đảm bảo quy định trong vòng 05 năm); cơ cấu tổ chức gồm các tổ chuyên môn và viên chức.

+ Số lượng người làm việc: Tiếp nhận số lượng người làm việc của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Mường Chà; Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tủa Chùa và Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thị xã Mường Lay hiện nay (đang giao 53 người làm việc). Sau khi đi vào hoạt động, căn cứ vị trí việc làm, khối lượng công việc và Đề án tự chủ của đơn vị để bố trí người làm việc đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ.

+ Trụ sở làm việc: Đặt tại phường Mường Lay (trụ sở của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thị xã Mường Lay hiện nay).

- Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực 5: Trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Nậm Pồ và Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Mường Nhé hiện nay.

+ Chức năng, nhiệm vụ: Là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực xây dựng, giải phóng mặt bằng, phát triển quỹ đất khu vực liên xã (khu vực các xã thuộc huyện Nậm Pồ và Mường Nhé hiện nay).

+ Cơ cấu tổ chức: Ban có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc (số lượng Phó Giám đốc ngay sau khi sắp xếp có thể nhiều hơn nhưng phải sắp xếp đảm bảo quy định trong vòng 05 năm); cơ cấu tổ chức gồm các tổ chuyên môn và viên chức.

+ Số lượng người làm việc: Tiếp nhận số lượng người làm việc của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Nậm Pồ và Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Mường Nhé hiện nay (đang giao 29 người làm việc). Sau khi đi vào hoạt động, căn cứ vị trí việc làm, khối lượng công việc và Đề án tự chủ của đơn vị để bố trí người làm việc đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ.

+ Trụ sở làm việc: Đặt tại xã Nà Hỳ (trụ sở của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Nậm Pồ hiện nay).

* Ưu điểm, hạn chế của mô hình đơn vị sự nghiệp công cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực xây dựng như trên:

- Ưu điểm: Việc thành lập các Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực trên cơ sở tổ chức lại các Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án, Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện giúp công tác chuyển tiếp thực hiện các dự án đang triển khai được thuận lợi; các Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực tiếp cận ngay được các dự án đang triển khai thực hiện, chuẩn bị đầu tư; giúp cho đơn vị bám sát địa bàn trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

- Hạn chế: Việc tổ chức lại, hình thành các Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất khu vực làm tăng thêm 05 đầu mối đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh.

đ) Đối với *Đội Quản lý trật tự đô thị ở thành phố Điện Biên Phủ*: Kết thúc hoạt động của *Đội Quản lý trật tự đô thị*, chuyển chức năng quản lý trật tự xây dựng, đô thị cho UBND phường thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ. Đối với các nhiệm vụ về môi trường, đô thị (đối với phường) do Trung tâm Dịch vụ tổng hợp thực hiện. Đối với 15 người làm việc của *Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố Điện Biên Phủ* được bố trí cho Trung tâm Dịch vụ tổng hợp thuộc UBND phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh và tinh giản biên chế theo quy định.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

2.1. Hiện trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

hiện có khi xây dựng Đề án

a) Cấp huyện

- Tổng số cán bộ, công chức hiện có: 815 người trên tổng số 890 biên chế được giao, trong đó:

- + Cán bộ, công chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: 40 người;
- + Công chức giữ chức danh Trưởng phòng và tương đương: 95 người;
- + Công chức giữ chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương: 196 người;
- + Công chức không giữ chức danh lãnh đạo, quản lý: 484 người.

- Tổng số viên chức sự nghiệp khác hiện có: 721 người trên tổng số 781 người làm việc được giao, trong đó:

- + Viên chức giữ chức danh Trưởng đơn vị: 36 người;
- + Viên chức giữ chức danh Phó Trưởng đơn vị: 71 người;
- + Viên chức không giữ chức danh lãnh đạo, quản lý: 614 người.

- Tổng số viên chức sự nghiệp giáo dục hiện có: 13.164 người trên tổng số 13.574 người làm việc được giao.

- Tổng số lao động hợp đồng hiện có: 170 người, trong đó:

+ Số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP hoặc Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 133 người.

+ Số lao động hợp đồng khác (đơn vị, địa phương tự hợp đồng thời vụ hoặc ngắn hạn): 37 người.

b) Cấp xã

- Tổng số biên chế cán bộ, công chức cấp xã được giao năm 2025 theo Nghị quyết số 221/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh: 2.709 người.

- Tổng số cán bộ, công chức cấp xã hiện có: 2.571 người, trong đó:

- + Cán bộ khối Đảng (Bí thư, Phó Bí thư): 246 người;
- + Cán bộ khối đoàn thể (Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam cấp xã; Bí thư Chi đoàn TNCS HCM; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Chủ tịch Hội Nông dân và Chủ tịch Hội Cựu chiến binh): 620 người;

+ Cán bộ khối chính quyền (Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND): 476 người;

+ Công chức cấp xã: 1.229 người.

c) Người hoạt động không chuyên trách cấp xã

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao năm 2025 theo Nghị quyết số 221/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh: 1.668 người.

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã hiện có: 1.380 người.

2.2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

a) Tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh và vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức ở cấp xã mới

Tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý cấp xã áp dụng như đối với tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý tương ứng của cấp huyện hiện nay theo quy định hiện hành của Chính phủ.

Đối với công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ cấp xã áp dụng tiêu chuẩn trình độ đào tạo theo yêu cầu vị trí việc làm đối với công chức, viên chức từ cấp huyện trở lên theo quy định của Chính phủ.

b) Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở cấp xã mới

- Đối với cán bộ, công chức cấp huyện: Chuyển 100% cán bộ, công chức ở các huyện, thị xã, thành phố hiện có để bố trí biên chế tại cấp xã mới, trong đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính quyền cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các đơn vị cấp xã mới.

- Về phương án bố trí cán bộ, công chức cấp huyện về cấp xã:

+ Chia đều số cán bộ, công chức mỗi cấp huyện hiện có theo số lượng đơn vị cấp xã hình thành sau sắp xếp. Ví dụ: Huyện Mường Nhé hiện có 87 cán bộ, công chức, số xã sau sắp xếp là 5 thì trung bình mỗi xã sẽ tiếp nhận số cán bộ, công chức cấp huyện về là 87/5 bằng khoảng hơn 17 người, trong đó những xã hình thành do sáp nhập 03 xã thì bố trí 18 người (xã Mường Nhé, xã Sín Thầu), những xã hình thành do sáp nhập 02 xã thì bố trí 17 người (xã Mường Toong, xã Nậm Kè, xã Quảng Lâm).

+ Riêng thị xã Mường Lay hiện có 63 cán bộ, công chức và huyện Mường Chà hiện có 84 cán bộ, công chức, đề xuất gộp chung cả hai đơn vị là 147 cán bộ, công chức và chia theo phương án nêu trên, cụ thể: Phường Mường Lay 25 người, xã Na Sang 26 người; các xã: Mường Tùng, Pa Ham, Nậm Nèn, Mường Pồn mỗi xã 24 người.

+ Thành phố Điện Biên Phủ hiện có 86 cán bộ, công chức và huyện Điện Biên hiện có 91 cán bộ, công chức, khi thành lập các xã mới thì thực hiện điều chuyển 04 cán bộ, công chức của huyện Điện Biên về phường Mường Thanh mới do xã Thanh Xương huyện Điện Biên nhập về phường Mường Thanh (mới). Như vậy, sau sắp xếp: xã Mường Phăng 29 người, phường Điện Biên Phủ 31 người, phường Mường Thanh 30 người; xã Thanh Nưa 16 người, xã Thanh An 15 người; các xã: Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Mường Nhà mỗi xã 14 người.

- Đối với viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc cấp huyện: Chuyển 100% viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo hiện có theo các đơn vị giáo dục trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập cho chính quyền địa phương cấp xã sau sắp xếp quản lý.

- Đối với viên chức tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục

thường xuyên cấp huyện: Chuyển 100% viên chức về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý để thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ.

- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý cấp huyện, cấp xã khi được bố trí vào các chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý tại ĐVHC cấp xã mới tiếp tục giữ phụ cấp chức vụ lãnh đạo hiện hưởng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý cấp huyện, cấp xã không được bố trí vào các chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý tại ĐVHC cấp xã mới thì thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại ĐVHC cấp xã mới thì tạm thời chưa áp dụng mức phụ cấp lãnh đạo và sẽ thực hiện khi có quy định của Chính phủ về hệ số phụ cấp chức vụ của chức vụ lãnh đạo, quản lý đó.

- Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng của cấp huyện, cấp xã hiện có (trừ số lượng viên chức, người lao động hợp đồng được chuyển về các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ) để sắp xếp, bố trí công tác tại cấp xã mới. Sau đó, thực hiện rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành thì số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại ĐVHC cấp xã mới thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ.

- Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay kể từ ngày 01/8/2025 (tổng số là 1.380 người). Giao chính quyền địa phương xem xét, có thể sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế và các chính sách khác do tỉnh, Trung ương ban hành.

- Đối với thôn, tổ dân phố: Tiếp tục xác định thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là cấp hành chính. Trước mắt giữ nguyên các thôn, tổ dân phố hiện có; sau khi hoàn thành sắp xếp ĐVHC các cấp, căn cứ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền để nghiên cứu sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo hướng tinh gọn, phục vụ trực tiếp đời sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi được bố trí công tác ở ĐVHC mới thì tiếp tục được hưởng lương theo ngạch, bậc và các chế độ phụ cấp lương (phụ cấp trách nhiệm, chức vụ, chức danh, thu hút, thâm niên, đặc biệt,...) hiện hưởng trong thời gian 06 tháng; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ.

- Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp mà có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền thực hiện việc rà soát, đánh giá và thực hiện chính sách, chế độ theo quy định hiện hành của Chính phủ, bảo đảm giữ được người có năng lực nổi trội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Trường hợp cán bộ, công chức ở cấp huyện và cấp xã không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện để được bố trí công việc ở ĐVHC cấp xã mới thì giải quyết chính sách, chế độ theo quy định hiện hành của Chính phủ.

- Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Thực hiện giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành sau khi có quyết định kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã của cấp có thẩm quyền.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Trên cơ sở quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương liên quan hướng dẫn công tác lập dự toán xử lý tài sản, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức tại các ĐVHC cấp xã mới hình thành sau sắp xếp; triển khai thực hiện việc rà soát, xây dựng phương án chuyển đổi, quản lý, sắp xếp và sử dụng tài sản có hiệu quả, tránh tiêu cực, không để tài sản, trụ sở hư hỏng, xuống cấp gây thất thoát, lãng phí.

2. ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp có trách nhiệm chủ động cân đối, bố trí ngân sách thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc để tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của ĐVHC hình thành sau sắp xếp.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

Sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Điện Biên; UBND cấp xã tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù như sau:

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang và người dân trên địa bàn ĐVHC hình thành sau sắp xếp tiếp tục được hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và địa phương áp dụng đối với đơn vị hành chính như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp có thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG

VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh triển khai các nội dung sau:

- Chủ trì tham mưu xây dựng phương án, Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã tỉnh Điện Biên.
- Chủ trì tham mưu thực hiện công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện (khối chính quyền) và cán bộ, công chức cấp xã của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp; phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện (khối Đảng, đoàn thể).
- Xây dựng phương án sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các chế độ, chính sách cho các đối tượng bị tác động khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã sau sắp xếp; tham mưu UBND tỉnh báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh.
- Lập dự toán kinh phí, tổ chức khắc, đăng ký sử dụng con dấu cho HĐND, UBND xã, phường, các cơ quan, đơn vị thuộc ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.
- Chủ trì tham mưu thực hiện rà soát, lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định phân loại ĐVHC cấp xã; tổ chức thực hiện việc lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp.
- Hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động - xã hội và chính sách đối với người có công tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.
- Hướng dẫn, tham mưu thực hiện việc quản lý công tác văn thư, lưu trữ khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã.
- Hướng dẫn công tác khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã.

2. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải của ĐVHC cấp xã mới.
- Chủ trì tham mưu phương án lựa chọn, bố trí trụ sở làm việc của cấp xã mới sau sắp xếp.
- Chủ trì tham mưu, đề xuất phương án kết nối hệ thống giao thông giữa tỉnh với xã và giữa các ĐVHC cấp xã với nhau đảm bảo thuận lợi.
- Chủ trì tham mưu, đề xuất mô hình tổ chức, hoạt động của đơn vị sự nghiệp thực hiện cung cấp dịch vụ công về quản lý dự án theo định hướng của cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với mô hình hoạt động của cấp xã mới và đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.
- Phối hợp tham mưu các nội dung xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại

ĐVHC cấp xã.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Rà soát, cung cấp số liệu về diện tích tự nhiên theo kết quả thống kê, kiểm kê đất đai của từng ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh để các địa phương và Sở Nội vụ xây dựng phương án và Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã.

- Tham mưu xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực về nông nghiệp, tài nguyên, môi trường của ĐVHC cấp xã mới.

- Đề xuất phương án về sắp xếp lại hoạt động của các Trung tâm Phát triển quỹ đất và Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất cấp huyện (nhiệm vụ về phát triển quỹ đất) đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

- Hướng dẫn việc sử dụng đất của các tổ chức khi điều chuyển trụ sở, tài sản gắn với quyền sử dụng đất.

- Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý cho các cơ quan, địa phương liên quan phục vụ việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã khi có yêu cầu.

- Rà soát, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh bổ sung việc thực hiện chế độ, chính sách theo các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tại các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

- Chủ trì tham mưu, đề xuất mô hình tổ chức và hoạt động của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về lĩnh vực phát triển quỹ đất, lĩnh vực nông nghiệp theo định hướng của cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với mô hình hoạt động của ĐVHC mới và đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Cung cấp danh sách các ĐVHC có vị trí trọng yếu về quốc phòng. Hướng dẫn và thực hiện rà soát, xác định ĐVHC sau sắp xếp là đơn vị trọng điểm về quốc phòng.

- Hướng dẫn rà soát, xác định các khu vực trọng điểm về quốc phòng; tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã.

- Lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị quân đội trên địa bàn tỉnh chủ động xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp; phối hợp với lực lượng công an và lực lượng khác trên địa bàn thực hiện giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; không để xảy ra các vấn đề phức tạp trước, trong và sau quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC.

5. Công an tỉnh

- Rà soát, cung cấp số liệu về quy mô dân số tại ĐVHC cấp xã để UBND cấp huyện và Sở Nội vụ có căn cứ xây dựng Phương án, Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã.

- Cung cấp danh sách các ĐVHC có vị trí trọng yếu về an ninh, trật tự. Hướng dẫn và thực hiện rà soát, xác định các ĐVHC sau sắp xếp có vị trí trọng yếu về an ninh, trật tự.

- Đề xuất xây dựng chức năng, nhiệm vụ về đảm bảo an ninh, trật tự của ĐVHC sau sắp xếp.

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện việc sắp xếp tổ chức lại ĐVHC.

- Thường xuyên theo dõi, nắm tình hình dư luận trong nhân dân để chủ động tuyên truyền, định hướng, giải quyết kịp thời các bức xúc, mâu thuẫn, ngăn ngừa phát sinh xung đột, chủ động phòng ngừa các hoạt động lôi kéo, kích động của các phần tử, thế lực thù địch.

- Hướng dẫn thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu; thay đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước và định danh điện tử.

6. Sở Tài chính

- Chủ trì tham mưu xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực tài chính, phát triển kinh tế, kế hoạch, đầu tư, quản lý ngân sách của ĐVHC cấp xã mới.

- Chủ trì tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định cụ thể về định mức chi, nhiệm vụ chi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC; quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

- Tổng hợp, thẩm định dự toán kinh phí đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu có) để đề xuất, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kinh phí xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã; đảm bảo nguồn kinh phí thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đạt kết quả.

- Chủ trì tham mưu bố trí, hướng dẫn sử dụng và quyết toán kinh phí xây dựng, triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã theo quy định.

- Chủ trì tham mưu xây dựng phương án và lộ trình sắp xếp, xử lý trụ sở, tài chính, tài sản của cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã ở ĐVHC thực hiện sắp xếp. Tham mưu điều chỉnh phân bổ dự toán ngân sách, điều chuyển, chuyển tiếp dự án đầu tư,... sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu các nội dung liên quan đến lĩnh vực Tài chính (rà soát, xử lý tài chính, tài sản công,...) trong Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì tham mưu phân bổ kinh phí và thẩm định dự toán thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nghỉ hưởng chế độ, chính sách theo các quy định hiện hành.

- Rà soát, báo cáo đề xuất UBND tỉnh tạm dừng phê duyệt, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở tại những ĐVHC dự kiến nhập, điều chỉnh vào ĐVHC khác, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chỉ đạo các đơn vị truyền thông chủ động phối hợp với các địa phương thường xuyên thông tin về kết quả thực hiện, gương làm tốt, những việc chưa làm được, nguyên nhân (nhất là nguyên nhân chủ quan), giải pháp khắc phục và bài học kinh nghiệm, cách làm hay trong triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã.

- Hướng dẫn về chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; xây dựng hệ thống dữ liệu kết nối, liên thông giữa chính quyền địa phương với Trung ương.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trong việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã.

- Tham mưu xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch của ĐVHC cấp xã mới.

- Theo dõi, hướng dẫn rà soát, điều chỉnh và xác định ĐVHC có di tích được công nhận, xếp hạng là di tích lịch sử quốc gia đặc biệt, các di tích lịch sử, di sản văn hóa quan trọng tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

9. Sở Y tế

- Tham mưu xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực y tế của ĐVHC cấp xã mới.

- Tham mưu xây dựng phương án về sắp xếp, tổ chức lại hoạt động của các Trạm y tế, trung tâm y tế đồng thời với sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp của ĐVHC cấp xã mới.

- Tham mưu đề xuất phương án về sắp xếp lại hoạt động của các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên đồng thời với sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

11. Sở Tư pháp

- Tham mưu xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực tư pháp của ĐVHC cấp xã mới.

- Tham mưu, hướng dẫn việc rà soát các quy định của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; rà soát đề xuất với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi các quy định của pháp luật phải sửa đổi khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Hướng dẫn xử lý một số vấn đề liên quan đến chuyển tiếp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương khía sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã.

- Ban hành văn bản hướng dẫn xử lý vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực hộ tịch, đăng ký biện pháp bảo đảm khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp.

12. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Tham mưu xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực Dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo của đơn ĐVHC cấp xã mới.

- Rà soát, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh bổ sung việc thực hiện chế độ, chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

13. Văn phòng Đảng ủy UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh

- Tham mưu tổ chức các cuộc họp của Đảng ủy UBND tỉnh, của UBND tỉnh cho ý kiến về Đề án (bố trí thời gian, địa điểm họp, chuẩn bị điều kiện tổ chức cuộc họp...).

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các nội dung liên quan Đề án.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành có liên quan để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai xây dựng Đề án.

14. Báo Điện Biên Phủ, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và các cơ quan báo chí đóng trên địa bàn tỉnh: Chủ động thường xuyên thực hiện việc thông tin, tuyên truyền về quá trình, kết quả thực hiện, gương làm tốt, những việc chưa làm được, nguyên nhân (nhất là nguyên nhân chủ quan), giải pháp khắc phục và bài học kinh nghiệm, cách làm hay trong triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã.

15. Các sở, ngành tỉnh có liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu UBND tỉnh triển khai các nội dung liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Kịp thời hướng dẫn việc thực hiện các nội dung công việc theo chức năng nhiệm vụ của ngành.

- Rà soát, hướng dẫn UBND cấp xã sau sắp xếp thực hiện chế độ, chính sách đặc thù theo quy định của ngành, lĩnh vực.

- Chủ động rà soát, đề xuất điều chỉnh các quy hoạch liên quan đến ngành, lĩnh vực, phù hợp với việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC.

16. UBND cấp huyện

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền và chỉ đạo UBND cấp xã tuyên truyền tới đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về chủ trương, phương án, Đề

án và các nội dung liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng phương án bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; phương án sắp xếp, sử dụng trụ sở, tài sản công tại ĐVHC thuộc phạm vi quản lý sau sắp xếp, gửi Sở Nội vụ để tổng hợp.

- Căn cứ chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh để chủ động rà soát, phân công, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ theo thẩm quyền trong quá trình xây dựng Đề án đảm bảo tiến độ, thời gian quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã trong việc tổ chức lấy ý kiến cử tri; tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri trên địa bàn, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

- Chỉ đạo và nghiêm túc tuân thủ việc tạm dừng thực hiện các nội dung liên quan đến quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: Công văn số 775/UBND-TH ngày 03/3/2025; Công văn số 992/UBND-KT ngày 14/3/2025; Công văn số 1073/UBND-TH ngày 19/3/2025.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Điện Biên nhằm cụ thể hóa chủ trương tiếp tục đổi mới theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Kết luận số 126-KL/TW, Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 03-KH/BCĐ của Ban Chỉ đạo xây dựng các Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính 02 cấp tỉnh Điện Biên, Kế hoạch số 1434/KH-UBND của UBND tỉnh Điện Biên; sắp xếp ĐVHC cấp xã nhằm tinh gọn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, giảm chi ngân sách nhà nước, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng, trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đúng mục đích, yêu cầu của Đảng đã đề ra; góp phần mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có của các địa phương để phát triển bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội

Quá trình xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Điện Biên đã đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

2. Kiến nghị, đề xuất

2.1. Một số thôn, bản sau sáp nhập cách xa trụ sở xã mới, nhưng lại gần trung tâm ĐVHC cấp xã liền kề khác. Sau sắp xếp, đề nghị Trung ương cho phép thực hiện điều chỉnh một số thôn, bản có nguyện vọng về xã giáp ranh để thuận lợi cho người dân trong việc đi lại, trao đổi mua bán hàng hóa, giải quyết thủ tục hành chính và các vấn đề đời sống, xã hội khác.

2.2. Việc bố trí tri thức trẻ: Hiện nay tỉnh Điện Biên còn 02/10 tri thức trẻ

theo Đề án 500, hiện đang hợp đồng theo Nghị quyết số 136/2021/NQ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ tại các huyện Mường Chà, Mường Nhé, dự kiến tiếp tục hợp đồng đối với các đội viên Đề án 500.

(Có các phụ lục chi tiết kèm theo).

Trên đây là Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Điện Biên; UBND tỉnh Điện Biên kính trình Bộ Nội vụ, Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
(Kèm theo Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Điện Biên)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	TP. ĐIỆN BIÊN PHỦ					x			
1	Các xã:								
1.1	Xã Thanh Minh	40,17	80,34%	3.482	278,56%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
1.2	Xã Nà Nhạn	76,00	152,00%	5.557	555,70%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
1.3	Xã Nà Tấu	74,64	149,28%	7.123	712,30%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
1.4	Xã Pá Khoang	55,97	111,94%	4.694	469,40%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
1.5	Xã Mường Phăng	34,74	69,48%	5.812	581,20%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
2	Các phường:								
2.1	Pường Him Lam	6,12	111,27%	12.257	350,20%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
2.2	Pường Noong Bua	3,31	60,18%	7.495	214,14%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
2.3	Pường Tân Thanh	1,27	23,09%	9.414	268,97%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
2.4	Pường Mường Thanh	1,68	30,55%	11.361	324,60%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
2.5	Pường Thanh Bình	0,78	14,18%	5.043	144,09%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
2.6	Pường Thanh Trường	6,74	122,55%	7.648	218,51%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
2.7	Pường Nam Thanh	5,15	93,64%	8.624	246,40%	x			x

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
II	TX. MUỜNG LAY								
1	Các phường:								
1.1	Phường Sông Đà	29,33	533,27%	960	38,40%	x			x
1.2	Phường Na Lay	22,88	416,00%	5.139	205,56%	x			x
2	Các xã:								
2.1	Xã Lay Nưa	60,46	120,92%	5.535	553,50%	x			x
III	HUYỆN ĐIỆN BIÊN					x			
1	Các xã:								
1.1	Xã Thanh Hưng	19,64	39,28%	7.256	322,49%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.2	Xã Thanh Chăn	22,20	44,40%	5.819	332,51%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.3	Xã Thanh Nưa	26,35	52,70%	4.687	374,96%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
1.4	Xã Na Ú	113,81	227,62%	1.988	198,80%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.5	Xã Thanh Luông	35,35	70,70%	7.449	425,66%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.6	Xã Hua Thanh	73,46	146,92%	4.186	418,60%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt) và Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.7	Xã Mường Lói	159,52	319,04%	2.572	257,20%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.8	Xã Mường Nhà	158,83	317,66%	4.610	461,00%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.9	Xã Na Tông	142,60	285,20%	4.799	479,90%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.10	Xã Pa Thơm	89,09	178,18%	1.355	135,50%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.11	Xã Mường Pồn	128,84	257,68%	5.375	537,50%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1.12	Xã Phu Luông	144,67	289,34%	2.471	247,10%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.13	Xã Hẹ Muông	73,55	147,10%	3.093	309,30%	x			x
1.14	Xã Pom Lót	42,31	84,62%	6.195	275,33%	x			x
1.15	Xã Núa Ngam	48,64	97,28%	3.912	260,80%	x			x
1.16	Xã Thanh Yên	19,79	39,58%	8.186	467,77%	x			x
1.17	Xã Noong Luổng	21,25	42,50%	6.156	351,77%	x			x
1.18	Xã Thanh An	19,41	38,82%	7.040	704,00%	x			x
1.19	Xã Sam Mứn	24,46	48,92%	5.263	421,04%	x			x
1.20	Xã Thanh Xương	19,11	38,22%	9.398	537,03%	x			x
1.21	Xã Noong Hẹt	13,38	26,76%	8.383	372,58%	x			x
IV	HUYỆN TUẦN GIÁO					x			
1	Các thị trấn:								
1.1	Thị trấn Tuần Giáo	17,22	123,00%	8.221	205,53%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
2	Các xã:								
2.1	Xã Phình Sáng	88,16	176,32%	6.781	678,10%	x			x
2.2	Xã Rạng Đông	38,11	76,22%	3.932	393,20%	x			x
2.3	Xã Mùn Chung	42,41	84,82%	4.264	426,40%	x			x
2.4	Xã Nà Tông	37,55	75,10%	2.936	293,60%	x			x
2.5	Xã Ta Ma	107,02	214,04%	4.373	437,30%	x			x
2.6	Xã Mường Mùn	88,90	177,80%	6.236	623,60%	x			x
2.7	Xã Pú Xi	121,54	243,08%	3.874	387,40%	x			x
2.8	Xã Pú Nhung	64,81	129,62%	4.242	424,20%	x			x

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
2.9	Xã Quài Nưa	52,17	104,34%	7.011	701,10%	x			x
2.10	Xã Mường Thín	61,17	122,34%	2.931	293,10%	x			x
2.11	Xã Tủa Tình	65,06	130,12%	2.771	277,10%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
2.12	Xã Nà Sáy	31,40	62,80%	3.126	312,60%	x			x
2.13	Xã Mường Khong	107,17	214,34%	3.785	378,50%	x			x
2.14	Xã Quài Cang	39,13	78,26%	9.071	907,10%	x			x
2.15	Xã Quài Tở	60,13	120,26%	10.368	1036,80%	x			x
2.16	Xã Chiềng Sinh	18,29	36,58%	5.529	552,90%	x			x
2.17	Xã Chiềng Đông	38,35	76,70%	6.196	619,60%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)	x
2.18	Xã Tênh Phong	56,84	113,68%	1.748	174,80%	x			x
V	HUYỆN TỬA CHÙA					x			
1	Các thị trấn:								
1.1	Thị trấn Tủa Chùa	14,49	103,50%	8.641	216,03%	x			x
2	Các xã:								
2.1	Xã Mường Báng	56,29	112,58%	6.240	624,00%	x			x
2.2	Xã Xá Nhè	61,17	122,34%	8.106	810,60%	x			x
2.3	Xã Mường Đun	37,56	75,12%	4.321	432,10%	x			x
2.4	Xã Tủa Thàng	87,51	175,02%	5.942	594,20%	x			x
2.5	Xã Huổi Sớ	63,42	126,84%	3.002	300,20%	x			x
2.6	Xã Tả Phìn	50,88	101,76%	4.259	425,90%	x			x
2.7	Xã Tả Sìn Thàng	50,50	101,00%	4.550	455,00%	x			x
2.8	Xã Sín Chải	88,75	177,50%	5.481	548,10%	x			x

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
2.9	Xã Lao Xả Phình	49,91	99,82%	2.884	288,40%	x			x
2.10	Xã Trung Thu	53,53	107,06%	3.986	398,60%	x			x
2.11	Xã Sinh Phình	70,13	140,26%	7.570	757,00%	x			x
VI	HUYỆN MƯỜNG CHÀ					x			
1	Các thị trấn:								
1.1	Thị trấn Mường Chà	22,16	158,29%	3.815	95,38%	x			x
2	Các xã:								
2.1	Xã Sá Tổng	110,00	220,00%	6.574	657,40%	x			
2.2	Xã Mường Tùng	170,84	341,68%	5.594	559,40%	x			
2.3	Xã Hừa Ngải	103,63	207,26%	4.634	463,40%	x			x
2.4	Xã Huổi Mí	139,28	278,56%	4.303	430,30%	x			x
2.5	Xã Pa Ham	32,21	64,42%	3.537	353,70%	x			x
2.6	Xã Nậm Nèn	35,74	71,48%	3.193	319,30%	x			x
2.7	Xã Huổi Lèng	108,10	216,20%	3.856	385,60%	x			x
2.8	Xã Sa Lông	84,78	169,56%	4.203	420,30%	x			x
2.9	Xã Ma Thi Hồ	135,31	270,62%	5.445	544,50%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	
2.10	Xã Na Sang	117,92	235,84%	6.135	613,50%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	
2.11	Xã Mường Mươn	129,92	259,84%	5.026	502,60%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	
VII	HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG					x			
1	Các thị trấn:								
1.1	Trị trấn Điện Biên Đông	23,98	171,29%	3.082	77,05%	x			x
2	Các xã:								

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
2.1	Xã Chiềng Sơ	61,82	123,64%	6.277	627,70%	x			x
2.2	Xã Mường Luân	61,17	122,34%	4.300	430,00%	x			x
2.3	Xã Luân Giới	63,25	126,50%	5.435	543,50%	x			x
2.4	Xã Háng Lìa	63,45	126,90%	3.159	315,90%	x			x
2.5	Xã Tìia Đình	103,33	206,66%	4.133	413,30%	x			x
2.6	Xã Phì Nhừ	124,88	249,76%	8.460	846,00%	x			
2.7	Xã Xa Dung	90,62	181,24%	7.262	726,20%	x			x
2.8	Xã Na Son	66,11	132,22%	4.186	418,60%	x			x
2.9	Xã Phình Giàng	103,99	207,98%	4.496	449,60%	x			x
2.10	Xã Pú Hồng	122,39	244,78%	5.971	597,10%	x			
2.11	Xã Keo Lô	140,64	281,28%	8.063	806,30%	x			
2.12	Xã Nong U	73,80	147,60%	3.899	389,90%	x			x
2.13	Xã Pu Nhi	107,43	214,86%	6.091	609,10%	x			
VIII	HUYỆN NẬM PÔ					x			
1	Các xã:								
1.1	Xã Si Pa Phìn	129,57	259,14%	6.497	519,76%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	
1.2	Xã Phìn Hồ	112,09	224,18%	4.275	427,50%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.3	Xã Chà Nưa	101,18	202,36%	3.068	306,80%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.4	Xã Chà Cang	108,32	216,64%	2.972	297,20%	x			x
1.5	Xã Chà Tở	123,25	246,50%	3.048	304,80%	x			x
1.6	Xã Nậm Khăn	104,68	209,36%	2.160	216,00%	x			x
1.7	Xã Pa Tàn	165,93	331,86%	3.487	348,70%	x			x

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1.8	Xã Na Cô Sa	125,50	251,00%	6.626	662,60%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	
1.9	Xã Nậm Nhừ	59,72	119,44%	3.990	399,00%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.10	Xã Nà Khoa	65,34	130,68%	3.638	363,80%	x			x
1.11	Xã Nậm Tin	86,88	173,76%	4.357	435,70%	x			x
1.12	Xã Nà Hỳ	81,85	163,70%	6.159	410,60%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.13	Xã Nậm Chua	68,75	137,50%	2.923	292,30%	x			x
1.14	Xã Vàng Đán	84,56	169,12%	4.080	408,00%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1,15	Xã Nà Búng	77,97	155,94%	6.034	603,40%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
IX	HUYỆN MUỜNG NHÉ					x			
1	Các xã:								
1.1	Xã Sín Thầu	162,85	325,70%	1.563	156,30%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	x
1.2	Xã Chung Chải	210,21	420,42%	6.519	651,90%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	
1.3	Xã Leng Su Sìn	179,97	359,94%	3.329	332,90%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	x
1.4	Xã Sen Thượng	173,62	347,24%	1.166	116,60%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	x
1.5	Xã Mường Nhé	217,42	434,84%	13.309	1064,72%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	
1.6	Xã Nậm Vì	61,85	123,70%	4.466	446,60%	x			x
1.7	Xã Mường Toong	113,58	227,16%	7.392	739,20%	x			
1.8	Xã Huổi Léch	117,12	234,24%	3.440	344,00%	x			x
1.9	Xã Nậm Kè	153,03	306,06%	5.881	588,10%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1.10	Xã Pá Mỳ	71,68	143,36%	3.096	309,60%	x			x
1.11	Xã Quảng Lâm	107,75	215,50%	3.395	339,50%	x			x
X	HUYỆN MUỜNG ẢNG					x			
1	Các thị trấn:								
1.1	TT Mường Ảng	6,63	47,36%	5.336	133,40%	x			x
2	Các xã:								
2.1	Xã Ngòi Cáy	48,14	96,28%	3.494	349,40%	x			x
2.2	Xã Mường Đăng	65,79	131,58%	4.322	432,20%	x			x
2.3	Xã Ảng Nưa	24,92	49,84%	4.135	413,50%	x			x
2.4	Xã Ảng Cang	54,41	108,82%	8.133	813,30%	x			x
2.5	Xã Ảng Tờ	59,69	119,38%	6.818	681,80%	x			x
2.6	Xã Nậm Lịch	35,62	71,24%	3.296	329,60%	x			x
2.7	Xã Mường Lạn	40,60	81,20%	4.489	448,90%	x			x
2.8	Xã Xuân Lao	59,80	119,60%	5.712	571,20%	x			x
2.9	Xã Búng Lao	47,81	95,62%	6.643	664,30%	x			x

THỐNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Điện Biên)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I		THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ								
1	Các xã:									
1.1	Xã Mường Phăng	Nhập xã Mường Phăng, xã Pá Khoang và xã Nà Nhạn	2	166,70	166,70%	16.063	321,26%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)
2	Các phường:									
2.1	Pường Điện Biên Phủ	Nhập phường Him Lam, phường Tân Thanh, phường Mường Thanh, phường Thanh Bình, phường Thanh Trường và xã Thanh Minh	5	56,75	1031,82%	49.205	328,03%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)
2.3	Pường Mường Thanh	Nhập phường Nam Thanh, phường Noong Bua và xã Thanh Xương	2	27,56	501,09%	25.517	170,11%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)
II		THỊ XÃ MƯỜNG LAY								
1	Các phường:									
1.1	Pường Mường Lay	Nhập phường Sông Đà, phường Na Lay, xã Lay Nưa và xã Sá Tổng	3	222,65	4048,18%	18.208	121,39%	x		
III		HUYỆN ĐIỆN BIÊN								
1	Các xã:									
1.1	Xã Thanh Nưa	Nhập xã Hua Thanh, xã Thanh Nưa, xã Thanh Luông, xã Thanh Hưng và xã Thanh Chăn	4	176,97	176,97%	29.397	587,94%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1.2	Xã Thanh An	Nhập xã Thanh An và xã Noong Hẹt và xã Sam Mứn	2	57,23	57,23%	20.686	413,72%	x		
1.3	Xã Thanh Yên	Nhập xã Thanh Yên, xã Noong Luống và xã Pa Thơm	2	130,10	130,10%	15.697	313,94%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
1.4	Xã Sam Mứn	Nhập xã Pom Lót và xã Na U'	1	156,12	156,12%	8.183	163,66%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
1.5	Xã Núa Ngam	Nhập xã Hẹ Muông, xã Núa Ngam và xã Na Tông	2	264,78	264,78%	11.804	236,08%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
1.6	Xã Mường Nhà	Nhập xã Mường Nhà, xã Phu Luông và xã Mường Lói	2	463,00	463,00%	9.653	193,06%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
IV		HUYỆN TUẦN GIÁO						x		
1	Các xã:									
1.1	Xã Tuần Giáo	Nhập thị trấn Tuần Giáo, xã Quài Cang và xã Quài Nưa	2	108,49	108,49%	24.303	486,06%	x		Có di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (di tích quốc gia đặc biệt)
1.2	Xã Quài Tở	Nhập xã Tênh Phong, xã Tỏa Tình và xã Quài Tở	2	182,01	182,01%	14.887	297,74%	x		
1.3	Xã Mường Mùn	Nhập xã Mùn Chung, xã Mường Mùn và xã Pú Xi	2	252,84	252,84%	14.374	287,48%	x		
1.4	Xã Pú Nhung	Nhập xã Pú Nhung, xã Rạng Đông và xã Ta Ma	2	209,93	209,93%	12.547	250,94%	x		
1.5	Xã Chiềng Sinh	Nhập xã Mường Khong, xã Mường Thín, xã Nà Sáy và xã Chiềng Sinh	3	218,01	218,01%	15.371	307,42%	x		
V		HUYỆN TỬA CHÙA								
1	Các xã:									
1.1	Xã Tủa Chùa	Nhập thị trấn Tủa Chùa, xã Mường Báng và xã Nà Tông	2	108,33	108,33%	17.817	356,34%	x		
1.2	Xã Sín Chải	Nhập xã Sín Chải, xã Tả Sìn Thàng và xã Lao Xả Phình	2	189,13	189,13%	12.915	258,30%	x		
1.3	Xã Sính Phình	Nhập xã Tả Phìn, xã Trung Thu và xã Sính Phình	2	174,53	174,53%	15.815	316,30%	x		

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1.4	Xã Tòa Thành	Nhập xã Huổi Sô và xã Tòa Thành	1	150,92	150,92%	8.944	178,88%	x		
1.5	Xã Sáng Nhè	Nhập xã Xá Nhè, xã Mường Đun và xã Phình Sáng	2	186,87	186,87%	19.208	384,16%	x		
VI		HUYỆN MUỜNG CHÀ								
1	Các xã:									
1.1	Xã Na Sang	Nhập thị trấn Mường Chà, xã Na Sang, xã Ma Thì Hồ và xã Sa Lông	3	360,15	360,15%	19.598	391,96%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
1.2	Xã Mường Tùng	Nhập xã Mường Tùng và xã Huổi Lèng	1	278,93	278,93%	9.450	189,00%	x		
1.3	Xã Pa Ham	Nhập xã Hừa Ngải và xã Pa Ham	1	135,84	135,84%	8.171	163,42%	x		
1.4	Xã Nậm Nền	Nhập xã Nậm Nền và xã Huổi Mí	1	175,00	175,00%	7.496	149,92%	x		
1.5	Xã Mường Pồn	Nhập xã Mường Mươn và xã Mường Pồn	1	258,76	258,76%	10.401	208,02%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
VII		HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG								
1	Các xã:									
1.1	Xã Na Son	Nhập thị trấn Điện Biên Đông, xã Na Son và xã Keo Lôm	2	230,71	230,71%	15.331	306,62%	x		
1.2	Xã Xa Dung	Nhập xã Xa Dung và xã Phì Nhừ	1	215,50	215,50%	15.722	314,44%	x		
1.3	Xã Pu Nhi	Nhập xã Pu Nhi và xã Nong U	1	181,22	181,22%	9.990	199,80%	x		
1.4	Xã Mường Luân	Nhập xã Chiềng Sơ và xã Luân Giói và xã Mường Luân	2	186,22	186,22%	16.012	320,24%	x		
1.5	Xã Tia Đình	Nhập xã Háng Lìa và xã Tia Đình	1	166,76	166,76%	7.292	145,84%	x		
1.6	Xã Phình Giàng	Nhập xã Pú Hồng và xã Phình Giàng	1	226,37	226,37%	10.467	209,34%	x		
VIII		HUYỆN NẬM PỎ								

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1	Các xã:									
1.1	Xã Mường Chà	Nhập xã Chà Cang, xã Chà Nưa, xã Nậm Tin và xã Pa Tần	3	462,28	462,28%	13.884	277,68%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
1.2	Xã Nà Hỳ	Nhập xã Nà Khoa, xã Nậm Nhù, xã Nậm Chua và xã Nà Hỳ	3	275,64	275,64%	16.710	334,20%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
1.3	Xã Nà Bùng	Nhập xã Nà Bùng và xã Vàng Đán	1	162,52	162,52%	10.114	202,28%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
1.4	Xã Chà Tở	Nhập xã Nậm Khăn và xã Chà Tở	1	227,92	227,92%	5.208	104,16%	x		
1.5	Xã Si Pa Phìn	Nhập xã Si Pa Phìn và xã Phìn Hồ	1	241,65	241,65%	10.772	215,44%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
IX		HUYỆN MƯỜNG NHÉ								
1	Các xã:									
1.1	Xã Mường Nhé	Nhập xã Mường Nhé, xã Chung Chải và xã Nậm Vì	2	489,47	489,47%	23.734	474,68%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
1.2	Xã Sín Thầu	Nhập xã Sín Thầu và xã Sen Thượng và xã Leng Su Sìn	2	516,42	516,42%	6.168	123,36%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa
1.3	Xã Mường Toong	Nhập xã Mường Toong và xã Huổi Léch	1	230,69	230,69%	11.034	220,68%	x		
1.4	Xã Nậm Kè	Nhập xã Nậm Kè và xã Pá Mỳ	1	224,70	224,70%	8.934	178,68%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
1.5	Xã Quảng Lâm	Nhập xã Quảng Lâm và xã Na Cô Sa	1	233,25	233,25%	9.975	199,50%	x		Có đường biên giới giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
X		HUYỆN MƯỜNG ẢNG						x		
1	Các xã:									
1.1	Xã Mường Ảng	Nhập thị trấn Mường Ảng và xã Ảng Nưa và xã Ảng Cang	2	85,94	85,94%	17.604	352,08%	x		
1.2	Xã Nà Tấu	Nhập xã Ngồi Cáy, xã Mường Đăng và xã Nà Tấu	2	188,55	188,55%	14.939	298,78%	x		

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1.3	Xã Búng Lao	Nhập xã Chiềng Đông, xã Búng Lao và xã Ảng Tờ	2	145,85	145,85%	19.657	393,14%	x		
1.4	Xã Mường Lạn	Nhập xã Xuân Lao và xã Mường Lạn và xã Nặm Lịch	2	136,01	136,01%	13.497	269,94%	x		

BẢNG THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Kèm theo Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Điện Biên)

ĐVHC cấp xã	Số lượng ĐVHC hiện nay	Số lượng ĐVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC giảm sau sắp xếp
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
Xã	115	0	0	115	42	2	73
Phường	9	0	0	9	3	0	6
Thị trấn	5	0	0	5	0	0	5
Tổng	129	0	0	129	45	2	84

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CBCCVC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ VÀ
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, BỐ TRÍ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**
(Kèm theo Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Điện Biên)

[illegible]

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách
1.1	Phường Mường Lay	6	31			40	41		39	7	7		39
III	Huyện Điện Biên												
1	Các xã:												
1.1	Xã Thanh Nưa	6	30			50	46		51	17	8		51
1,2	Xã Thanh An	6	28			31	26		27	5	4		27
1,3	Xã Thanh Yên	6	27			32	26		32	8	5		32
1,4	Xã Sam Mứn	6	23			21	18		19	8	4		19
1,5	Xã Núa Ngam	6	26			31	26		30	1	2		30
1,6	Xã Mường Nhà	6	29			31	28		34	2			34
IV	Huyện Tuần Giáo												
1	Các xã:												
1.1	Xã Tuần Giáo	6	29			30	29		32	11	5		32

[illegible]

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách
1	Các xã:												
1.1	Xã Na Sang	6	30			42	41		45	4	3		45
1,2	Xã Mường Tùng	6	24			22	19		23				23
1,3	Xã Pa Ham	6	22			22	18		23	3			23
1,4	Xã Nậm Nèn	6	22			21	18		23	7			23
1,5	Xã Mường Pồn	6	25			20	21		25	2	2		25
VII	Huyện Điện Biên Đông												
1	Các xã:												
1.1	Xã Na Son	6	26			33	29		37	3	3		37
1,2	Xã Xa Dung	6	25			19	22		25	7	9		25
1,3	Xã Pu Nhi	6	22			22	20		21	17	10		21
1,4	Xã Mường Luân	6	25			31	29		37	6	2		37

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính giảm theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách
1,5	Xã Tia Đình	6	22			22	18		22	6	5		22
1,6	Xã Phình Giàng	6	23			22	19		25	8	8		25
VIII	Huyện Nậm Pồ												
1	Các xã:												
1,1	Xã Mường Chà	6	30			40	38		46	3	11		46
1,2	Xã Nà Hỳ	6	29			39	39		47	12	12		47
1,3	Xã Nà Búng	6	23			22	19		22	4	2		22
1,4	Xã Chà Tở	6	24			19	18		23	3	1		23
1,5	Xã Si Pa Phìn	6	24			22	22		25	4	2		25
IX	Huyện Mường Nhé												
1	Các xã:												
1.1	Xã Mường Nhé	6	30			33	30		33	2	1		33

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính giảm theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách
1,2	Xã Sín Thầu	6	30			33	31		35				35
1,3	Xã Mường Toong	6	23			22	17		20	1	1		20
1,4	Xã Nậm Kè	6	24			21	19		21	3	2		21
1,5	Xã Quảng Lâm	6	24			20	19		23	1	3		23
X	Huyện Mường Ảng												
1	Các xã:												
1.1	Xã Mường Ảng	6	26			30	27		27	8	3		27
1.2	Xã Nà Tấu	6	25			32	28		33	7	3		33
1.3	Xã Búng Lao	6	27			33	31		32	7	7		32
1.4	Xã Mường Lạn	6	25			31	27		28	2	6		28
B	CẤP HUYỆN			14.355		40	775	13.885		5	51	23	

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính giảm theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách
	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện bố trí về cấp xã	-	-	14.355	-	40	775	13.885	-	5	51	23	-
C	TỔNG CẤP HUYỆN, CẤP XÃ	270	1.170	14.355	1.668	1.382	2.004	13.885	1.380	277	237	23	1.380

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ CÔNG SAU KHI SẮP XẾP LẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

(Kèm theo Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Điện Biên)

STT	TÊN ĐVHC CẤP XÃ HIỆN TẠI	TÊN ĐVHC CẤP XÃ SAU KHI SẮP XẾP	DỰ KIẾN NƠI ĐẶT TRỤ SỞ LÀM VIỆC	SỐ LƯỢNG		PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, XỬ LÝ						LỘ TRÌNH				
						TIẾP TỤC SỬ DỤNG		KHÔNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG		PHƯƠNG ÁN KHÁC		2025	2026	2027	2028	2029
				Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Đất	Đất	Đất	Đất
1	Xã Mường Nhé	Xã Mường Nhé	Toàn bộ trụ sở Huyện ủy, HĐND&UBND huyện Mường Nhé	13	21	5	6			8	15	5	2	2	2	2
	Xã Nậm Vì															
	Xã Chung Chải															
2	Xã Sín Thầu	Xã Sín Thầu	Xã Leng Su Sín	3	9	1	2			2	7	1				2
	Xã Sen Thượng															
	Xã Leng Su Sín															
3	Xã Mường Toong	Xã Mường Toong	Xã Mường Toong	2	4	1	2			1	2	1				1
	Xã Huổi Léch															
4	Xã Nậm Kè	Xã Nậm Kè	Xã Nậm Kè	3	6	1	3			2	3	1				2
	Xã Pá Mý															
5	Xã Quảng Lâm	Xã Quảng Lâm	Xã Quảng Lâm	2	5	1	3			1	2	1				1
	Xã Na Cô Sa															
6	Xã Chà Cang	Xã Mường Chà	Xã Chà Cang	9	13	3	4			6	9	3				6
	Xã Chà Nưa															
	Xã Nậm Tin															
	Xã Pa Tàn															
7	Xã Nà Khoa	Xã Nà Hỳ	Toàn bộ trụ sở Huyện ủy, HĐND&UBND huyện Nậm Pồ	18	37	6	17			12	20	6	3	3	3	3
	Xã Nậm Nhừ															
	Xã Nậm Chua															
	Xã Nà Hỳ															
8	Xã Vàng Đán	Xã Nà Búng	Xã Vàng Đán	4	9	3	5			1	4	3				1
	Xã Nà Búng															
9	Xã Nậm Khăn	Xã Chà Tả	Xã Chà Tả	2	5	1	2			1	3	1				1

STT	TÊN ĐVHC CẤP XÃ HIỆN TẠI	TÊN ĐVHC CẤP XÃ SAU KHI SẮP XẾP	DỰ KIẾN NƠI ĐẶT TRỤ SỞ LÀM VIỆC	SỐ LƯỢNG		PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, XỬ LÝ						LỘ TRÌNH				
						TIẾP TỤC SỬ DỤNG		KHÔNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG		PHƯƠNG ÁN KHÁC		2025	2026	2027	2028	2029
				Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Đất	Đất	Đất	Đất
9	Xã Chà Tờ	Xã Chà Tờ	Xã Chà Tờ	2	3	1	2			1	3	1				
10	Xã Phìn Hồ	Xã Si Pa Phìn	Xã Si Pa Phìn	5	8	2	4			3	4	2			3	
	Xã Si Pa Phìn															
11	Xã Lay Nưa	Phường Mường Lay	Toàn bộ trụ sở Thị ủy, HĐND&UBND thị xã Mường Lay	23	45	5	14	1	1	17	30	6	4	4	4	5
	Phường Sông Đà															
	Phường Na Lay															
	Xã Sá Tổng															
12	Thị trấn Mường Chà	Xã Na Sang	Toàn bộ trụ sở Huyện ủy, HĐND&UBND huyện Mường Chà	25	36	6	12			19	24	6	4	4	4	7
	Xã Na Sang															
	Xã Ma Thi Hồ															
	Xã Sa Lông															
13	Xã Mường Tùng	Xã Mường Tùng	Xã Mường Tùng	3	8	2	6			1	2	2				1
	Xã Huổi Lèng															
14	Xã Hừa Ngải	Xã Pa Ham	Xã Pa Ham	4	5	2	2			2	3	2				2
	Xã Pa Ham															
15	Xã Nậm Nèn	Xã Nậm Nèn	Xã Nậm Nèn	4	4	2	2			2	2	2				2
	Xã Huổi Mí															
16	Xã Mường Mươn	Xã Mường Pồn	Xã Mường Mươn	5	6	4	4			1	2	4				1
	Xã Mường Pồn															
17	Thị trấn Tòa Chùa	Xã Tòa Chùa	Toàn bộ trụ sở Huyện ủy, HĐND&UBND huyện Tòa Chùa	29	77	4	29	1	1	24	47	5	6	6	6	6
	Xã Mường Báng															
	Xã Nà Tông															
18	Xã Sín Chải	Xã Sín Chải	Xã Tả Sín Thàng	8	17	2	3	1	1	5	13	3				5
	Xã Tả Sín Thàng															
	Xã Lao Xả Phình															
19	Xã Tả Phìn	Xã Sính Phình	Xã Sính Phình	9	13	4	5			5	8	4				5
	Xã Trung Thu															

[illegible]

STT	TÊN ĐVHC CẤP XÃ HIỆN TẠI	TÊN ĐVHC CẤP XÃ SAU KHI SẮP XẾP	DỰ KIẾN NƠI ĐẶT TRỤ SỞ LÀM VIỆC	SỐ LƯỢNG		PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, XỬ LÝ						LỘ TRÌNH				
						TIẾP TỤC SỬ DỤNG		KHÔNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG		PHƯƠNG ÁN KHÁC		2025	2026	2027	2028	2029
				Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Đất	Đất	Đất	Đất
20	Xã Huổi Sớ	Xã Tủa Thàng	Xã Huổi Sớ	3	7	2	4			1	3	2				1
	Xã Tủa Thàng															
21	Xã Xá Nhè	Xã Sáng Nhè	Xã Xá Nhè	8	11	3	4			5	7	3				5
	Xã Mường Đun															
	Xã Phình Sáng															
22	Thị trấn Tuần Giáo	Xã Tuần Giáo	Toàn bộ trụ sở Huyện ủy, HĐND&UBND huyện Tuần Giáo	22	35	6	11			16	24	6	4	4	4	4
	Xã Quài Nưa															
	Xã Quài Cang															
23	Xã Tênh Phong	Xã Quài Tở	Xã Quài Tở	5	7	1	2	1	1	3	4	2				3
	Xã Tỏa Tinh															
	Xã Quài Tở															
24	Xã Mùn Chung	Xã Mường Mùn	Xã Mường Mùn	5	7	2	4			3	3	2				3
	Xã Mường Mùn															
	Xã Pú Xi															
25	Xã Pú Nhung	Xã Pú Nhung	Xã Rạng Đông	4	4	1	1			3	3	1				3
	Xã Rạng Đông															
	Xã Ta Ma															
26	Xã Mường Khong	Xã Chiềng Sinh	Xã Nà Sáy	6	9	1	3			5	6	1				5
	Xã Mường Thín															
	Xã Nà Sáy															
	Xã Chiềng Sinh															
27	Xã Ảng Nưa	Xã Mường Ảng	Toàn bộ trụ sở Huyện ủy, HĐND&UBND huyện Mường Ảng	18	28	4	13	1	3	13	12	5	3	3	3	4
	Thị trấn Mường Ảng															
	Xã Ảng Cang															
28	Xã Ngổi Cáy	Xã Nà Tấu	Xã Nà Tấu	4	9	1	4			3	5	1				3
	Xã Mường Đẳng															
	Xã Nà Tấu															

STT	TÊN ĐVHC CẤP XÃ HIỆN TẠI	TÊN ĐVHC CẤP XÃ SAU KHI SẮP XẾP	DỰ KIẾN NƠI ĐẶT TRỤ SỞ LÀM VIỆC	SỐ LƯỢNG		PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, XỬ LÝ						LỘ TRÌNH				
						TIẾP TỤC SỬ DỤNG		KHÔNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG		PHƯƠNG ÁN KHÁC		2025	2026	2027	2028	2029
				Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Đất	Đất	Đất	Đất
29	Xã Chiềng Đông	Xã Búng Lao	Xã Búng Lao	8	7	3	2			5	5	3				5
	Xã Búng Lao															
	Xã Ảng Tở															
30	Xã Xuân Lao	Xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	6	6	2	2			4	4	2				4
	Xã Mường Lạn															
	Xã Nặm Lịch															
31	Xã Nà Nhạn	Xã Mường Phăng	Xã Mường Phăng	5	14	2	2	1	6	2	6	3				2
	Xã Mường Phăng															
	Xã Pá Khoang															
32	Xã Thanh Minh	Phường Điện Biên Phủ	Toàn bộ trụ sở Thành ủy, HĐND và UBND thành phố Điện Biên Phủ	13	25	3	8			10	17	3	2	2	2	4
	Phường Him Lam															
	Phường Tân Thanh															
	Phường Mường Thanh															
	Phường Thanh Bình															
	Phường Thanh Trường															
33	Phường Noong Bua	Phường Mường Thanh	Toàn bộ trụ sở Huyện ủy, HĐND và UBND huyện Điện Biên	14	40	4	14			10	26	4	2	2	2	4
	Phường Nam Thanh															
	Xã Thanh Xương															
34	Xã Hua Thanh	Xã Thanh Nưa	Xã Thanh Luông	5	15	1	3			4	12	1				4
	Xã Thanh Nưa															
	Xã Thanh Luông															
	Xã Thanh Hưng															
	Xã Thanh Chăn															
35	Xã Thanh An	Xã Thanh An	Xã Noong Hẹt	3	14	1	5			2	9	1				2
	Xã Noong Hẹt															
	Xã Sam Mứn															

STT	TÊN ĐVHC CẤP XÃ HIỆN TẠI	TÊN ĐVHC CẤP XÃ SAU KHI SẮP XẾP	DỰ KIẾN NƠI ĐẶT TRỤ SỞ LÀM VIỆC	SỐ LƯỢNG		PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, XỬ LÝ						LỘ TRÌNH				
						TIẾP TỤC SỬ DỤNG		KHÔNG TIẾP TỤC SỬ DỤNG		PHƯƠNG ÁN KHÁC		2025	2026	2027	2028	2029
				Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Nhà	Đất	Đất	Đất	Đất	Đất
36	Xã Thanh Yên	Xã Thanh Yên	Xã Noong Luổng	4	10	1	6			3	4	1				3
	Xã Noong Luổng															
	Xã Pa Thơm															
37	Xã Pom Lót	Xã Sam Mứn	Xã Pom Lót	3	8	1	5			2	3	1				2
	Xã Na U'															
38	Xã Hẹ Muông	Xã Núa Ngam	Xã Núa Ngam	3	9	1	3			2	6	1				2
	Xã Núa Ngam															
	Xã Na Tông															
39	Xã Mường Nhà	Xã Mường Nhà	Xã Phu Luông	3	6	1	1			2	5	1				2
	Xã Phu Luông															
	Xã Mường Lói															
40	Thị trấn Điện Biên Đông	Xã Na Son	Toàn bộ trụ sở Huyện ủy, HĐND và UBND huyện Điện Biên Đông	22	39	7	14			15	25	7	3	3	3	6
	Xã Na Son															
	Xã Keo Lôm															
41	Xã Xa Dung	Xã Xa Dung	Xã Phi Nhừ	4	6	2	4			2	2	2				2
	Xã Phi Nhừ															
42	Xã Pu Nhi	Xã Pu Nhi	Xã Pu Nhi	4	10	3	4			1	6	3				1
	Xã Noong U															
43	Xã Chiềng Sơ	Xã Mường Luân	Xã Mường Luân	6	7	2	2			4	5	2				4
	Xã Luân Giới															
	Xã Mường Luân															
44	Xã Háng Lìa	Xã Tia Đình	Xã Háng Lìa	4	4	1	1	1	1	2	2	2				2
	Xã Tia Đình															
45	Xã Pú Hồng	Xã Phình Giàng	Xã Phình Giàng	4	4	2	2			2	2	2				2
	Xã Phình Giàng															
	TỔNG CỘNG			357	669	113	249	7	14	237	406	120	33	33	33	138

TỈNH ĐIỆN BIÊN

DỰ KIẾN BIÊN CHẾ KHỐI CHÍNH QUYỀN VÀ PHƯƠNG ÁN SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC XÃ SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Điện Biên)

TT	Tên ĐVHC xã	Dự kiến tên gọi	Dự kiến số phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	Dự kiến số lượng biên chế khối chính quyền cấp xã theo định mức (ôn định sau 05 năm)	Số lượng cán bộ, công chức xã ngay sau khi sắp xếp (chưa bao gồm biên chế khối đảng, đoàn thể chuyển về xã)			Ghi chú
					Tổng số	Số cán bộ, công chức xã hiện có	Số cán bộ, công chức khối chính quyền cấp huyện chuyển về xã	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
I	Huyện Mường Nhé: số CBCC hiện có 87/ số xã trước sắp xếp 11/số xã sau sắp xếp 5		16	161	332	245	87	
1	Xã Mường Nhé Xã Nậm Vi Xã Chung Chải	Xã Mường Nhé	4	36	81	63	18	Khối đảng, đoàn thể cấp huyện hiện có 42 biên chế
2	Xã Sín Thầu Xã Sen Thượng Xã Leng Su Sin	Xã Sín Thầu	3	36	82	64	18	
3	Xã Mường Toong Xã Huổi Léch	Xã Mường Toong	3	29	56	39	17	
4	Xã Nậm Kè Xã Pá Mỹ	Xã Nậm Kè	3	30	57	40	17	
5	Xã Quảng Lâm Xã Na Cô Sa	Xã Quảng Lâm	3	30	56	39	17	
II	Huyện Nậm Pồ: số CBCC hiện có 79/ số xã trước sắp xếp 15/số xã sau sắp xếp 5		17	160	357	278	79	
6	Xã Chà Cang Xã Chà Nưa Xã Nậm Tin Xã Pa Tần	Xã Mường Chà	4	36	94	78	16	Khối đảng, đoàn thể cấp huyện hiện có 41 biên chế
7	Xã Nà Khoa Xã Nậm Nhừ Xã Nậm Chua Xã Nà Hỳ	Xã Nà Hỳ	4	35	95	78	17	
8	Xã Vàng Đán Xã Nà Búng	Xã Nà Búng	3	29	56	41	15	
9	Xã Nậm Khăn Xã Chà Tờ	Xã Chà Tờ	3	30	53	37	16	
10	Xã Phìn Hồ Xã Si Pa Phìn	Xã Si Pa Phìn	3	30	59	44	15	
III	Thị xã Mường Lay: số CBCC hiện có 63/ số xã trước sắp xếp 03/số đơn vị cấp xã sau sắp xếp 01		4	37	106	81	25	
11	Xã Lay Nưa Phường Sông Đà Phường Na Lay Xã Sả Tổng	Phường Mường Lay	4	37	106	81	25	Khối đảng, đoàn thể cấp huyện hiện có 35 biên chế

TT	Tên ĐVHC xã	Dự kiến tên gọi	Dự kiến số phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	Dự kiến số lượng biên chế khối chính quyền cấp xã theo định mức (ôn định sau 05 năm)	Số lượng cán bộ, công chức xã ngay sau khi sắp xếp (chưa bao gồm biên chế khối đảng, đoàn thể chuyển về xã)			Ghi chú
					Tổng số	Số cán bộ, công chức xã hiện có	Số cán bộ, công chức khối chính quyền cấp huyện chuyển về xã	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
IV	Huyện Mường Chà: số CBCC hiện có 84/ số xã trước sắp xếp 12/số xã sau sắp xếp 5		16	153	366	244	122	
12	Thị trấn Mường Chà	Xã Na Sang	4	36	109	83	26	Khối đảng, đoàn thể cấp huyện hiện có 41 biên chế
	Xã Na Sang							
	Xã Ma Thi Hồ							
	Xã Sa Lông							
13	Xã Mường Tùng	Xã Mường Tùng	3	30	65	41	24	
	Xã Huổi Lèng							
14	Xã Hừa Ngải	Xã Pa Ham	3	28	64	40	24	
	Xã Pa Ham							
15	Xã Nậm Nèn	Xã Nậm Nèn	3	28	63	39	24	
	Xã Huổi Mí							
16	Xã Mường Mươn	Xã Mường Pồn	3	31	65	41	24	
	Xã Mường Pồn							
V	Huyện Tủa Chùa: số CBCC hiện có 89/ số xã trước sắp xếp 12/số xã sau sắp xếp 5		18	154	378	289	89	
17	Thị trấn Tủa Chùa	Xã Tủa Chùa	4	32	80	62	18	Khối đảng, đoàn thể cấp huyện hiện có 42 biên chế
	Xã Mường Báng							
	Xã Nà Tông							
18	Xã Sín Chải	Xã Sín Chải	3	30	82	64	18	
	Xã Tả Sín Thàng							
	Xã Lao Xã Phình							
19	Xã Tả Phìn	Xã Sính Phình	4	31	78	60	18	
	Xã Trung Thu							
	Xã Sính Phình							
20	Xã Huổi Sớ	Xã Tủa Thàng	3	28	57	40	17	
	Xã Tủa Thàng							
21	Xã Xá Nhè	Xã Sáng Nhè	4	33	81	63	18	
	Xã Mường Đun							
	Xã Phình Sáng							
VI	Huyện Tuần Giáo: số CBCC hiện có 79/ số xã trước sắp xếp 19/ số xã sau sắp xếp 5		17	161	392	313	79	
22	Xã Thị trấn Tuần Giáo	Xã Tuần Giáo	4	35	75	59	16	Khối đảng, đoàn thể cấp huyện hiện có 40 biên chế
	Xã Quài Nưa							
	Xã Quài Cang							
23	Xã Tênh Phong	Xã Quài Tờ	3	31	76	60	16	
	Xã Tỏa Tinh							
	Xã Quài Tờ							
24	Xã Mùn Chung	Xã Mường Mùn	3	32	74	58	16	
	Xã Mường Mùn							
	Xã Pú Xi							

TT	Tên ĐVHC xã	Dự kiến tên gọi	Dự kiến số phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	Dự kiến số lượng biên chế khối chính quyền cấp xã theo định mức (ổn định sau 05 năm)	Số lượng cán bộ, công chức xã ngay sau khi sắp xếp (chưa bao gồm biên chế khối đảng, đoàn thể chuyển về xã)			Ghi chú
					Tổng số	Số cán bộ, công chức xã hiện có	Số cán bộ, công chức khối chính quyền cấp huyện chuyển về xã	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
25	Xã Pú Nhung Xã Rạng Đông Xã Ta Ma	Xã Pú Nhung	3	30	74	59	15	
26	Xã Mường Khong Xã Mường Thín Xã Nà Sáy Xã Chiềng Sinh	Xã Chiềng Sinh	4	33	93	77	16	
VII	Huyện Mường Ảng: số CBCC hiện có 72/ số xã trước sắp xếp 10/số xã sau sắp xếp 4		14	127	311	239	72	
27	Xã Ảng Nưa Thị trấn Mường Ảng Xã Ảng Cang	Xã Mường Ảng	4	32	75	57	18	Khối đảng, đoàn thể cấp huyện hiện có 39 biên chế
28	Xã Ngồi Cáy Xã Mường Đăng Xã Nà Tấu	Xã Nà Tấu	3	31	78	60	18	
29	Xã Chiềng Đông Xã Búng Lao Xã Ảng Tờ	Xã Búng Lao	4	33	82	64	18	
30	Xã Xuân Lao Xã Mường Lạn Xã Nậm Lịch	Xã Mường Lạn	3	31	76	58	18	
VIII	Thành phố Điện Biên Phủ: số CBCC hiện có 86/ số xã phường trước sắp xếp 12/ số xã phường sau sắp xếp 03		12	109	320	230	90	
31	Xã Nhà Nhạn Xã Mường Phăng Xã Pá Khoang	Xã Mường Phăng	4	32	88	59	29	1. Tiếp nhận 4 CBCC huyện Điện Biên và bố trí về phường Mường Thanh (mới) do xã Thanh Xương huyện Điện Biên nhập về Phường Mường Thanh; 2. Khối đảng, đoàn thể cấp huyện hiện có 39 biên chế
32	Xã Thanh Minh Phường Him Lam Phường Tân Thanh Phường Mường Thanh Phường Thanh Bình Phường Thanh Trường	Phường Điện Biên Phủ	4	39	144	113	31	
33	Phường Noong Bua Phường Nam Thanh Xã Thanh Xương	Phường Mường Thanh	4	38	88	58	30	

TT	Tên ĐVHC xã	Dự kiến tên gọi	Dự kiến số phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	Dự kiến số lượng biên chế khối chính quyền cấp xã theo định mức (ổn định sau 05 năm)	Số lượng cán bộ, công chức xã ngay sau khi sắp xếp (chưa bao gồm biên chế khối đảng, đoàn thể chuyển về xã)			Ghi chú
					Tổng số	Số cán bộ, công chức xã hiện có	Số cán bộ, công chức khối chính quyền cấp huyện chuyển về xã	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
IX	Huyện Điện Biên: số CBCC hiện có 91/ số xã trước sắp xếp 21/số xã sau sắp xếp 6		21	199	453	366	87	
34	Xã Hua Thanh	Xã Thanh Nưa	4	36	112	96	16	1. Chuyển 4 CBCC huyện DB về phường Mường Thanh (mới) do xã Xã Thanh Xương huyện Điện Biên nhập về phường Mường Thanh; 2. Khối đảng, đoàn thể cấp huyện hiện có 45 biên chế
	Xã Thanh Nưa							
	Xã Thanh Luống							
	Xã Thanh Hưng							
	Xã Thanh Chăn							
35	Xã Thanh An	Xã Thanh An	4	34	72	57	15	
	Xã Noong Hẹt							
	Xã Sam Mứn							
36	Xã Thanh Yên	Xã Thanh Yên	4	33	72	58	14	
	Xã Noong Luống							
	Xã Pa Thơm							
37	Xã Pom Lót	Xã Sam Mứn	3	29	53	39	14	
	Xã Na U'							
38	Xã Hẹ Muông	Xã Núa Ngam	3	32	71	57	14	
	Xã Núa Ngam							
	Xã Na Tông							
39	Xã Mường Nhà	Xã Mường Nhà	3	35	73	59	14	
	Xã Phu Luống							
	Xã Mường Lói							
X	Huyện Điện Biên Đông: số CBCC hiện có 85/ số xã trước sắp xếp 14/số xã sau sắp xếp 6		21	179	371	286	85	
40	Thị Trấn Điện Biên Đông	Xã Na Son	4	32	77	62	15	Khối đảng, đoàn thể cấp huyện hiện có 43 biên chế
	Xã Na Son							
	Xã Keo Lôm							
41	Xã Xa Dung	Xã Xa Dung	4	31	55	41	14	
	Xã Pì Nhừ							
42	Xã Pú Nhi	Xã Pú Nhi	3	28	56	42	14	
	Xã Noong U							
43	Xã Chiềng Sơ	Xã Mường Luân	4	31	74	60	14	
	Xã Luân Giới							
	Xã Mường Luân							
44	Xã Háng Lìa	Xã Tia Đình	3	28	54	40	14	
	Xã Tia Đình							
45	Xã Pú Hồng	Xã Phình Giàng	3	29	55	41	14	
	Xã Phình Giàng							
Tổng số cán bộ, công chức xã				1.440	3.386	2.571	815	